

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bộ Điều khoản bổ sung bảo hiểm hàng hóa

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP

Căn cứ Luật kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16/6/2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động số 38/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 18/10/2006 và các Giấy phép điều chỉnh;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp;

Căn cứ yêu cầu thực tiễn hoạt động kinh doanh của Công ty;

Theo đề nghị của Ban Quản lý nghiệp vụ tại Tờ trình ngày 27/05/2024;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này “**Bộ Điều khoản bổ sung bảo hiểm hàng hóa**” (tiếng Việt và tiếng Anh).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Bộ Điều khoản bổ sung bảo hiểm hàng hóa ban hành kèm theo Quyết định số 1363/2017/QĐ-ABIC-HH ngày 04/5/2017 hết hiệu lực kể từ ngày ký văn bản này.

Điều 3: Thành viên Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc các Ban, Chánh Văn phòng tại Trụ sở chính, Giám đốc các Chi nhánh trực thuộc ABIC chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch HĐQT (để báo cáo);
- Thành viên HĐQT chuyên trách;
- Ban Kiểm soát;
- Các ban trực thuộc HĐQT;
- Lưu QLNV, VPTSC..



Nguyễn Hồng Phong



CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP
AGRICULTURE BANK INSURANCE JOINT-STOCK CORPORATION
(ABIC)

Trụ sở chính: Tầng 6 - Tòa nhà chung cư 29T1 - Hoàng Đạo Thúy -
Trung Hòa - Cầu Giấy - Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 6299 0055 Fax: (84.4) 6258 0055

BỘ ĐIỀU KHOẢN BỔ SUNG BẢO HIỂM HÀNG HÓA

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1805 /QĐ-ABIC-QLNV ngày 28 tháng 05 năm 2024 của Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp)

DANH MỤC ĐIỀU KHOẢN BỔ SUNG BẢO HIỂM HÀNG HÓA VẬN CHUYỂN

TT	TIẾNG VIỆT	TIẾNG ANH
1.	Điều khoản bổ sung bảo hiểm hàng hóa liên quan đến ISM	Cargo ISM Endorsement (JC 98/019)
2.	Điều khoản chi phí chuyển tiếp liên quan đến ISM	Cargo ISM Forwarding Charges Clause (JC 98/023)
3.	Điều khoản loại trừ nhiễm phóng xạ, vũ khí hoá học, sinh học, sinh hoá và vũ khí điện từ (điều khoản 370)	Institute Radioactive Contamination, Chemical, Biological, Bio-Chemical and Electromagnetic Weapons Exclusion Clause (CL 370) and U.S.A. & Canada Endorsement (USCAN B 29/01/04) and U.S.A. & Canada Endorsement Provision
4.	Điều khoản loại trừ rủi ro tấn công mạng (điều khoản 380)	Institute Cyber Attack Exclusion Clause (CL 380)
5.	Điều khoản chi phí chuyển tiếp liên quan đến ISPS	Cargo ISPS Forwarding Charges Clause (JC 2004/050b)
6.	Điều khoản bổ sung bảo hiểm hàng hóa liên quan đến ISPS	Cargo ISPS Endorsement (JC 2004/050)
7.	Điều khoản loại trừ rủi ro năng lượng hạt nhân 1.1.89 theo sửa đổi Nhật Bản ngày 01 tháng 04 năm 1989	Nuclear Energy Risks Exclusion Clause Marine 1.1.89 subject to Japanese Amendment 1 st April 1989
8.	Điều khoản loại trừ và giới hạn trừng phạt (LMA 3100)	Sanctions Limitation and Exclusion Clause (LMA3100)
9.	Loại trừ trách nhiệm và giới hạn hoàn trả (theo Điều khoản 10 trong	Liability Exclusion And Limited Writeback (in accordance with Clause 10

TT	TIẾNG VIỆT	TIẾNG ANH
	Bộ điều khoản của Ủy ban Tái bảo hiểm vượt mức bồi thường - CL432)	of the Joint Excess Loss Committee Clauses - CL432)
10.	Loại trừ Rủi ro Chính trị, Bảo lãnh Tài chính và Rủi ro Tín dụng (theo Điều khoản 16 trong Bộ điều khoản của Ủy ban Tái bảo hiểm vượt mức bồi thường - CL432)	Political Risk, Financial Guarantee and Credit Risk Exclusion (in accordance with Clause 16 of the Joint Excess Loss Committee Clauses - CL432)
11.	Điều khoản loại trừ rủi ro khủng bố của Ủy ban Tái bảo hiểm vượt mức bồi thường 2001/002 (XL 2001/002) 16/11/2001	Joint Excess Loss Committee Terrorism Exclusion Clause 2001/002 (XL 2001/002) 16/11/2001
12.	Điều khoản chấm dứt hành trình (khủng bố) của Ủy ban hỗn hợp hàng hóa JC 2009/056 01/01/2009	Joint Cargo Committee Termination of Transit Clause (Terrorism) JC 2009/056 01/01/2009
13.	Điều khoản loại trừ bệnh truyền nhiễm JX2020-009A	Communicable Disease Exclusion JX2020-009A
14.	Sửa đổi bổ sung không gian mạng hàng hải - LMA5403	Marine Cyber Endorsement - LMA5403
15.	Điều khoản tổn thất không gian mạng của Ủy ban tái bảo hiểm vượt mức bồi thường (JX2020-007)	Joint Excess Loss Cyber Loss Clause (JX2020-007)
16.	Điều khoản bảo hiểm rủi ro trộm cắp và không giao hàng	Theft, Pilferage and Non-delivery Clause
17.	Điều khoản 50/50	50/50 Clause
18.	Điều khoản thay đổi địa điểm đến	Change of Destination Clause
19.	Điều khoản về thuế	Duty Clause
20.	Điều khoản rủi ro trong quá trình bốc dỡ hàng	Loading and Unloading Clause
21.	Điều khoản về trục trặc điện và cơ	Electrical and Mechanical Derangement Clause
22.	Điều khoản về thiệt hại ẩn dấu	Concealed Damage Clause

TT	TIẾNG VIỆT	TIẾNG ANH
23.	Điều khoản về lỗi và sơ suất	Errors and Omissions Clause
24.	Điều khoản thay thế 01/12/2008 - CL372	Institute replacement clause 01/12/2008 - CL372
25.	Điều khoản nhãn mác hàng hóa (áp dụng cho hàng hóa có dán nhãn)	Labels clause (applying to labelled goods)
26.	Điều khoản thay thế, sửa chữa - hàng đã qua sử dụng	Repair/ replacement clause - secondhand goods
27.	Điều khoản hủy bỏ đình công	Strikes cancellation clause
28.	Điều khoản từ bỏ thế quyền (chống lại chi nhánh/ công ty con/ công ty liên kết)	Subrogation waiver (against subsidiary/ associated/ affiliated companies)
29.	Điều khoản từ bỏ thế quyền (chống lại người coi giữ kho/ người vận chuyển)	Subrogation waiver (against warehouse keepers/ transporters)
30.	Điều khoản chấm dứt hợp đồng vận chuyển	Termination of contract of carriage clause
31.	Điều khoản rủi ro chuyển tải	Transshipment risks clause
32.	Điều khoản thiệt hại do nước mưa và/ hoặc nước ngọt	Fresh water and/ or rain damage clause
33.	Điều khoản thiếu hàng	Shortage clause
34.	Điều khoản rò rỉ hàng hóa	Leakage clause
35.	Điều khoản thiệt hại do móc cầu	Hook damage clause
36.	Điều khoản thuế nhập khẩu	Import duty clause
37.	Điều khoản hàng hóa trên boong tàu	On deck clause
38.	Điều khoản chi phí lưu container quá hạn	Container demurrage charges clause
39.	Điều khoản kiểm soát hàng hóa bị thiệt hại	Control of Damaged Goods
40.	Điều khoản chi phí làm hàng	Handling Costs Clause

TT	TIẾNG VIỆT	TIẾNG ANH
41.	Điều khoản miễn giám định	No Survey Clause
42.	Điều khoản bảo hiểm vật nuôi & gia cầm (vận chuyển đường biển, đường bộ hoặc đường hàng không)	Livestock & poultry insurance clauses (by sea, land or air)
43.	Điều khoản 24h hư hỏng máy lạnh	24 hours breakdown clause
44.	Điều khoản đôi, bộ hoặc bộ phận	Pair, set or Parts clause

**NỘI DUNG BỘ ĐIỀU KHOẢN BỔ SUNG
BẢO HIỂM HÀNG HÓA VẬN CHUYỂN**

TT	TIẾNG VIỆT	TIẾNG ANH
1.	<p>Điều khoản bổ sung bảo hiểm hàng hóa liên quan đến ISM</p> <p>Hiệu lực thi hành kể từ ngày 1/7/1998 đối với hàng hóa xếp lên những loại tàu:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1) Tàu chở khách 12 người trở lên và 2) Tàu chở dầu, tàu chở hóa chất, tàu chở ga, tàu chở xá và tàu chở hàng có tốc độ cao có tổng dung tích từ 500 GT trở lên. <p>Có hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/2002 đối với hàng hóa xếp trên tất cả các loại tàu chở hàng khác và dàn khoan biển di động có tổng dung tích từ 500 GT trở lên.</p> <p>Trong mọi trường hợp bảo hiểm theo điều khoản bổ sung này không bồi thường các tổn thất hay chi phí phát sinh trong trường hợp hàng hóa được bảo hiểm vận chuyển trên tàu không được cấp Giấy Chứng Nhận ISM Code hoặc chủ tàu hay người khai thác không có Giấy chứng nhận tuân thủ Luật quản lý an toàn quốc tế (ISM Code Document of Compliance) nếu, tại thời điểm xếp hàng hóa được bảo hiểm lên tàu, Người được bảo hiểm đã biết, hoặc trong quá trình kinh doanh thông thường Người được bảo hiểm lẽ ra phải biết:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Con tàu đó đã không được cấp Giấy chứng nhận theo quy định của Bộ Luật ISM b) Hoặc chủ tàu hay người điều hành đã không được cấp Giấy chứng nhận tuân thủ Luật quản lý an toàn quốc tế (D.O.C.) hiện hành <p>Theo quy định của Công ước an toàn sinh mạng trên biển (SOLAS Convention) năm 1974 đã được sửa đổi.</p> <p>Điểm loại trừ này không áp dụng trong trường hợp Hợp đồng bảo hiểm này đã được ký thác chuyển nhượng cho bên khiếu nại đòi bồi thường nếu bên đó, theo hợp đồng, đã mua hoặc đồng ý mua lô hàng được bảo hiểm.</p>	<p>Cargo ISM Endorsement (JC 98/019)</p> <p>Applicable to shipments on board Ro-Ro passenger ferries</p> <p>Applicable with effect from 1 July 1998 to shipments on board:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1) passenger vessels transporting more than 12 passengers and 2) oil tankers, chemical tankers, gas carriers, bulk carriers and cargo high speed craft of 500 gross tonnage or more. <p>Applicable with effect from 1 July 2002 to shipments on board all other cargo ships and mobile offshore drilling units of 500 gross tonnage or more.</p> <p>In no case shall the insurance cover loss, damage or expense where the subject matter insured is carried by a vessel that is not ISM Code certified or whose owners or operators do not hold an ISM Code Document of Compliance when, at the time of loading of the subject matter insured on board the vessel, the Assured were aware, or in the ordinary course of business should have been aware:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Either that such vessel was not certified in accordance with the ISM Code. b) Or that a current Document of Compliance was not held by her owners or operators <p>As required under the SOLAS Convention 1974 as amended.</p> <p>This exclusion shall not apply where this insurance has been assigned to the party claiming hereunder who has bought or agreed to buy the subject matter insured in good faith under a binding contract.</p>

<p>2.</p>	<p>Điều khoản chi phí chuyển tiếp liên quan đến ISM (JC 98/023)</p> <p>(Chỉ sử dụng với Điều khoản Bổ sung ISM JC98/019 đối với bảo hiểm hàng hóa của JCC)</p> <p>Trên cơ sở phụ phí được thỏa thuận, bảo hiểm này được mở rộng để bồi thường cho Người được bảo hiểm số tiền giới hạn bằng trị giá bảo hiểm của Hợp đồng bảo hiểm cho một chuyến hành trình, cho bất cứ một chi phí đặc biệt chi trả một cách hợp lý và đúng đắn trong khi dỡ hàng, lưu kho và chuyển tiếp hàng tới cảng đến, được bảo hiểm theo bảo hiểm dưới đây sau khi hàng hóa được giải phóng khỏi tàu đang bị bắt, bị cầm giữ hay bị buộc đổi hướng tới bất kỳ một cảng nào khác hay một địa điểm nào khác (không phải cảng đến dự kiến ban đầu) khi hành trình này bị chấm dứt</p> <p>a) do tàu nói trên không được cấp Giấy chứng nhận căn cứ theo Bộ luật ISM</p> <p>hoặc</p> <p>b) do chủ tàu hoặc người khai thác tàu không có Giấy chứng nhận tuân thủ theo yêu cầu của công ước SOLAS 1974 đã sửa đổi.</p> <p>Điều khoản bảo hiểm này không áp dụng cho Hy sinh tổn thất chung hay Cứu hộ hay Chi phí cứu hộ, và tuân thủ theo các điều kiện, điều khoản và điểm loại trừ khác được ghi trong đơn bảo hiểm và theo Điều khoản Bổ sung ISM JC 98/019 cho bảo hiểm hàng hóa của JCC.</p>	<p>Cargo ISM Forwarding Charges Clause (JC 98/023)</p> <p>(For use only with JCC Cargo ISM Endorsement (JC 98/019))</p> <p>This insurance is extended to reimburse the Assured, up to the limit of the Sum Insured for the voyage, for any extra charges properly and reasonably incurred in unloading, storing and forwarding the goods to the destination to which it is insured hereunder following release of cargo from a vessel arrested or detained at or diverted to any other port or place (other than the intended port of destination) where the voyage is terminated due to either</p> <p>a) to such vessel not being certified in accordance with the ISM Code;</p> <p>or</p> <p>b) to a current Document of Compliance not being held by her owners or operators as required under the SOLAS Convention 1974 as amended.</p> <p>This clause, which does not apply to General Average or Salvage or Salvage Charges, is subject to all other terms, conditions and exclusions contained in this Policy.</p>
<p>3.</p>	<p>Điều khoản loại trừ nhiễm phóng xạ, vũ khí hoá học, sinh học, sinh hoá và vũ khí điện từ (điều khoản 370)</p> <p>Điều khoản này là có hiệu lực cao nhất và có tính phủ quyết đối với mọi quy định trong bảo hiểm này có mâu thuẫn với nó</p> <p>1. Trong mọi trường hợp đơn bảo hiểm này sẽ không bảo hiểm trách nhiệm đối với tổn thất hoặc chi phí phát sinh trực tiếp hay gián tiếp từ:</p> <p>1.1. Bức xạ ion hoá hoặc sự nhiễm xạ từ bất cứ lò phản ứng hạt nhân nào hoặc từ nguồn phế thải hạt nhân hoặc từ việc đốt cháy nhiên liệu hạt nhân</p> <p>1.2. Các chất phóng xạ, chất độc, chất nổ hoặc các chất độc hại khác hoặc là tài sản bị</p>	<p>Institute Radioactive Contamination, Chemical, Biological, Bio-Chemical and Electromagnetic Weapons Exclusion Clause (CL 370)</p> <p>This clause shall be paramount and shall override anything contained in this insurance inconsistent therewith</p> <p>1. In no case shall this insurance cover loss damage liability or expense directly or indirectly caused by or contributed to by or arising from</p> <p>1.1 ionising radiations from or contamination by radioactivity from any nuclear fuel or from any nuclear waste or from combustion of nuclear fuel</p>

	<p>nhiễm xạ của việc xây lắp các công trình hạt nhân, lò phản ứng hạt nhân hoặc lắp đặt các thiết bị hạt nhân hoặc các bộ phận cấu thành hạt nhân</p> <p>1.3. Vũ khí hoặc thiết bị sử dụng phản ứng phân hạch và/hoặc kết hợp hạt nhân hoặc nguyên tử, hoặc các phản ứng tương tự như vậy</p> <p>1.4. Các vật chất phóng xạ, chất độc, chất nổ hoặc các chất độc khác hoặc tài sản bị nhiễm xạ của bất cứ phóng xạ hạt nhân nào. Loại trừ trong mục này, không áp dụng cho các các đồng vị phóng xạ, lò hạt nhân, khi các đồng vị này được chuẩn bị, lưu kho, vận chuyển hoặc dùng cho mục đích thương mại, nông nghiệp, hóa chất, khoa học hoặc các mục đích hòa bình tương tự</p> <p>1.5. Bất cứ vũ khí hóa học, sinh học, sinh hóa hoặc điện từ.</p>	<p>1.2 The radioactive, toxic, explosive or other hazardous or contaminating properties of any nuclear installation, reactor or other nuclear assembly or nuclear component thereof</p> <p>1.3 Any weapon or device employing atomic or nuclear fission and/or fusion or other like reaction or radioactive force or matter</p> <p>1.4 The radioactive, toxic, explosive or hazardous or contaminating properties of any radioactive matter. The exclusion in this sub-clause does not extend to radioactive isotopes, other than nuclear fuel, when such isotopes are being prepared, carried, stored, or used for commercial, agricultural, medical, scientific or other similar peaceful purposes</p> <p>1.5 Any chemical, biological, bio-chemical, or electromagnetic weapon.</p>
<p>4.</p>	<p>Điều khoản loại trừ rủi ro tấn công mạng (điều khoản 380)</p> <p>1.1 Ngoại trừ quy định tại mục 1.2 dưới đây, trong mọi trường hợp, đơn bảo hiểm này sẽ không bảo hiểm tổn thất, thiệt hại, trách nhiệm hoặc chi phí phát sinh trực tiếp hoặc gián tiếp từ việc sử dụng hoặc hoạt động, của các máy tính, hệ thống máy tính, chương trình phần mềm máy tính, sử dụng mã gian trá, vi rút máy tính hoặc từ việc vận hành bất kỳ hệ thống điện tử nào khác.</p> <p>1.2. Khi điều khoản bổ sung này cấp kèm theo đơn bảo hiểm có bảo hiểm rủi ro chiến tranh, nội chiến, nổi loạn, phiến loạn, khởi nghĩa, hoặc xung đột nội bộ, hoặc những hành động thù địch của các nước tham chiến, hoặc hoạt động khủng bố, hoặc hành động thù địch của bất cứ người nào thực hiện vì mục đích chính trị, mục 1.1 sẽ không áp dụng nhằm loại trừ bảo hiểm các tổn thất (đã được bảo hiểm theo các điều khoản khác trong hợp đồng) phát sinh do việc sử dụng các máy tính, hệ thống máy tính, chương trình phần mềm máy tính, hoặc bất kỳ hệ thống điện tử nào và/ hoặc hệ</p>	<p>Institute Cyber Attack Exclusion Clause (CL 380)</p> <p>1.1 Subject only to clause 1.2 below, in no case shall this insurance cover loss damage liability or expense directly or indirectly caused by or contributed to by or arising from the use or operation, as a means for inflicting harm, of any computer, computer system, computer software programme, malicious code, computer virus or process or any other electronic system.</p> <p>1.2 Where this clause is endorsed on policies covering risks of war, civil war, revolution, insurrection, or civil strife arising therefrom, or any hostile act by against a belligerent power, or terrorism or any person acting from political motive, Clause 1.1 shall not operate to exclude losses (which would otherwise be covered) arising from the use of any computer, computer system or computer software programme or any other electronic system in launch an/or guidance system and/or</p>

	<p>thống dẫn đường và/ hoặc hệ thống khai hỏa của bất cứ vũ khí hoặc tên lửa nào.</p>	<p>firing mechanism of any weapon of missile.</p>
<p>5.</p>	<p>Điều khoản chi phí chuyển tiếp liên quan đến ISPS (JC 2004/050b)</p> <p>(Chỉ sử dụng với Điều khoản Bổ sung JCC Cargo ISPS (JC 2004/050))</p> <p>Trên cơ sở phụ phí được thỏa thuận, bảo hiểm này được mở rộng để bồi thường cho Người được bảo hiểm số tiền giới hạn bằng trị giá bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm cho một chuyến hành trình, đối với các chi phí, phí tổn phát sinh một cách hợp lý và đúng đắn trong khi dỡ hàng, lưu kho và chuyển tiếp hàng được bảo hiểm tới cảng đến, sau khi hàng hóa được giải phóng khỏi tàu đang bị bắt, bị cầm giữ hay bị buộc đổi hướng tới bất kỳ một cảng nào khác hay một địa điểm nào khác (không phải cảng đến dự kiến ban đầu) khi hành trình này bị chấm dứt do tàu nói trên không được cấp giấy chứng nhận theo Bộ luật ISPS theo yêu cầu của Công ước An toàn Sinh mạng trên biển năm 1974 đã được sửa đổi.</p> <p>Điều khoản bảo hiểm này không áp dụng đối với Tồn thất chung, Cứu hộ hay Chi phí cứu hộ, và tuân thủ theo tất cả các điều kiện, điều khoản và các điểm loại trừ khác được ghi trong đơn bảo hiểm và tuân thủ theo Điều khoản Bổ sung ISPS (JC 2004/050).</p>	<p>Cargo ISPS Forwarding Charges Clause (JC 2004/050b)</p> <p>(For use only with JCC Cargo ISPS Endorsement (JC 2004/050))</p> <p>In consideration of an additional premium to be agreed, this insurance is extended to reimburse the Assured, up to the limit of the sum insured for the voyage, for any extra charges properly and reasonable incurred in unloading, storing and forwarding the subject matter to the destination to which it is insured hereunder following release of cargo from a vessel arrested or detained at or diverted to any other port or place (other than the intended port of destination) where the voyage is terminated due to such vessel not being certified in accordance with the ISPS Code as required under the SOLAS Convention 1974 as amended.</p> <p>This clause, which does not apply to General Average or Salvage Charges, is subject to all other terms conditions and exclusions contained in the policy and to JCC Cargo ISPS Endorsement (JC 2004/050).</p>
<p>6.</p>	<p>Điều khoản bổ sung bảo hiểm hàng hóa ISPS (JC 2004/050)</p> <p>Trong mọi trường hợp bảo hiểm này không bồi thường các tổn thất hay chi phí phát sinh trong trường hợp hàng hóa được bảo hiểm vận chuyển trên tàu không được cấp Giấy chứng nhận an ninh cho tàu và cảng (ISPS) nếu, tại thời điểm bốc hàng hóa được bảo hiểm lên tàu, Người được bảo hiểm đã biết, hoặc trong quá trình kinh doanh thông thường Người được bảo hiểm lẽ ra phải biết con tàu đó không được cấp Giấy chứng nhận theo Bộ Luật ISPS theo quy định của Công ước An toàn Sinh mạng trên biển (SOLAS) năm 1974 đã được sửa đổi.</p> <p>Điểm loại trừ này không áp dụng trong trường hợp Hợp đồng bảo hiểm này đã được ký thác cho bên khiếu nại đòi bồi thường nếu bên đó đã mua hoặc</p>	<p>Cargo ISPS Endorsement (JC 2004/050)</p> <p>In no case shall this insurance cover loss, damage or expense where the subject matter insured is carried by a vessel that does not hold a valid International Ship Security Certificate as required under the International Ship and Port Facility Security (ISPS) Code when, at the time of loading of subject matter insured on board the vessel, the Assured were aware, or in the ordinary course of business should have been aware that such vessel was not certified in accordance with the ISPS Code as required under the SOLAS Convention 1974 as amended.</p> <p>This exclusion shall not apply where this insurance has been assigned to the party claiming hereunder who has bought or agreed</p>

	<p>đã đồng ý mua lô hàng được bảo hiểm một cách trung thực theo một hợp đồng ràng buộc.</p>	<p>to buy the subject matter insured in good faith under a binding contract.</p>
<p>7.</p>	<p>Điều khoản loại trừ rủi ro năng lượng hạt nhân 01.01.89 theo sửa đổi Nhật Bản ngày 01/04/1989</p> <p>Điều khoản này loại trừ bảo hiểm các rủi ro năng lượng hạt nhân cho dù được khai thác bởi nhà bảo hiểm hoặc nhà tái bảo hiểm hoặc thông qua Quỹ (Pool) hoặc các hiệp hội. Theo điều khoản này, thuật ngữ "các rủi ro năng lượng hạt nhân" có nghĩa là bất kỳ bảo hiểm của bên thứ nhất hoặc bên thứ ba (ngoại trừ "bảo hiểm trách nhiệm bồi thường cho người lao động của chủ lao động") đối với:</p> <ul style="list-style-type: none"> i) các lò phản ứng hạt nhân và các trạm hay nhà máy điện hạt nhân; ii) bất kỳ cơ sở hoặc phương tiện có liên quan với <ul style="list-style-type: none"> (a) sản xuất năng lượng hạt nhân, hoặc (b) sản xuất, lưu trữ, xử lý nhiên liệu hạt nhân hoặc chất thải hạt nhân; iii) bất kỳ cơ sở hoặc phương tiện khác đủ điều kiện được bảo hiểm bởi bất kỳ Quỹ (Pool) hạt nhân hoặc Hiệp hội tại địa phương đó nhưng chỉ trong phạm vi các yêu cầu của Pool hoặc Hiệp hội địa phương; iv) hạt nhân hoặc nhiên liệu phóng xạ, hoặc chất thải hạt nhân hoặc phóng xạ. <p>Tuy nhiên, điều khoản loại trừ này không áp dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> (a) đối với bất kỳ bảo hiểm hoặc tái bảo hiểm đối với việc xây dựng, lắp đặt các tòa nhà, nhà máy và các tài sản khác (bao gồm cả máy móc thiết bị của nhà thầu được sử dụng cho công việc xây dựng lắp đặt); <ul style="list-style-type: none"> (i) cho việc lưu trữ các nhiên liệu hạt nhân - trước khi bắt đầu lưu trữ (ii) Cho việc lắp đặt lò phản ứng - trước khi bắt đầu việc đưa nhiên liệu hạt nhân vào lò phản ứng, hoặc trước khi có phản ứng ban đầu, tùy thuộc vào thời điểm bắt đầu bảo hiểm hoặc tái bảo hiểm của Quỹ (Pool) hạt nhân hoặc Hiệp hội địa phương có liên quan; 	<p>Nuclear Energy Risks Exclusion Clause - Marine 01.01.89 subject to Japanese Amendment 1st Apr 1989</p> <p>This Agreement excludes Nuclear Energy Risks whether written directly or by way of reinsurance or via Pools or Associations.</p> <p>Under this Agreement the term "Nuclear Energy Risks" means any first or third party insurance (other than Workes' Comensation or Employers' Liability) in respect of:</p> <ul style="list-style-type: none"> (i) nuclear reactors and nuclear power stations or plant (ii) any other premises or facilities concerned with: <ul style="list-style-type: none"> a. the production of nuclear energy or b. the production or storage or handling of nuclear fuels or nuclear waste; (iii) any other premises or facilities eligible for insurance by any local Nuclear Pool or Association but only to the extant of the requirements of the local Pool or Association. (iv) Nuclear or radioactive fuel, or nuclear or radioactive waste. <p>However, this Exclusion shall not apply</p> <ul style="list-style-type: none"> a. to any insurance or reinsurance in respect of the construction, erection or installation of buildings, plant and other property (including contractor's plant and equipment used in connection therewith): <ul style="list-style-type: none"> (i) for the storage of nuclear fuel - prior to the commencement of storge (ii) as regard reactor installations - prior to the commencement of loading of nuclear fuel into the reactor, or prior to the initial criticality, depending on the commencement of the insurance or reinsurance of the relevant local Nuclear Pool or Association

	<p>(b) cho bất kỳ bảo hiểm hoặc tái bảo hiểm hỏng hóc máy móc, bảo hiểm kỹ thuật khác không nêu trong phạm vi (a) ở trên, cũng như không chịu trách nhiệm bảo hiểm trong vùng "phóng xạ cao";</p> <p>(c) cho bất kỳ bảo hiểm hoặc tái bảo hiểm đối với thân tàu, máy bay hoặc phương tiện vận tải khác;</p> <p>(d) cho bất kỳ bảo hiểm hoặc tái bảo hiểm đối với các tổn thất (kể cả mọi chi phí phát sinh) nhiên liệu hạt nhân hoặc phóng xạ hoặc chất thải hạt nhân hoặc phóng xạ trong quá trình vận chuyển hoặc lưu trữ như hàng hóa, không phải quá trình xử lý hoặc lưu trữ tại điểm lắp đặt lò phản ứng hoặc bất kỳ điểm đến cuối cùng khác liên quan đến sản xuất, lưu trữ, xử lý nhiên liệu hạt nhân hoặc chất thải hạt nhân.</p>	<p>b. to any Machinery Breakdown or other Engineering insurance or reinsurance not coming within the scope of (a) above, nor affording coverage in the "high radioactivity" zone.</p> <p>c. To any insurance or reinsurance in respect of the Hulls of ships, or aircraft or other conveyances.</p> <p>d. To any insurance or reinsurance in respect of loss of or damage to (including any expenses incurred therewith) nuclear or radioactive fuel or nuclear or radioactive waste whilst in transit or storage as cargo, other than while being processed or while in storage at the reactor installation or any other final destination concerned with production, storage or handling of nuclear fuel or nuclear waste.</p>
<p>8.</p>	<p>Điều khoản loại trừ và giới hạn do bị trừng phạt theo các lệnh cấm vận (LMA 3100)</p> <p>Các Công ty bảo hiểm sẽ không bảo hiểm và không chịu trách nhiệm chi trả cho bất kỳ vụ khiếu nại hay bất cứ lợi ích nào liên quan đến trường hợp bị trừng phạt, cấm vận hay hạn chế theo Nghị quyết của Liên Hợp Quốc hoặc các trừng phạt kinh tế, hoặc thương mại, theo pháp luật hoặc quy định của Liên minh Châu Âu, Nhật Bản, Anh hoặc Mỹ.</p>	<p>Sanctions Limitation and Exclusion Clause (LMA3100)</p> <p>No (re)insurer shall be deemed to provide cover and no (re)insurer shall be liable to pay any claim or provide any benefit hereunder to the extent that the provision of such cover, payment of such claim or provision of such benefit would expose that (re)insurer to any sanction, prohibition or restriction under United Nations resolutions or the trade or economic sanctions, laws or regulations of the European Union, United Kingdom or United States of America.</p>
<p>9.</p>	<p>Loại trừ trách nhiệm và giới hạn hoàn trả (theo Điều khoản 10 trong Bộ điều khoản của Ủy ban Tái bảo hiểm vượt mức bồi thường - CL432)</p> <p>10.1 Trừ khi có thỏa thuận khác, Hợp đồng này không bảo hiểm cho các khiếu nại đối với các khoản tiền mà bất kỳ người được bảo hiểm trực tiếp nào có trách nhiệm thanh toán cho bất kỳ bên nào khác, trừ khi phát sinh từ các Hợp đồng bảo hiểm do công ty bảo hiểm trực tiếp thu xếp trên cơ sở "khiếu nại phát sinh", "sự cố được thông báo" hoặc "tổn thất được phát hiện", và chỉ trong trường hợp khiếu nại, thông báo sự cố làm phát sinh khiếu nại "phát sinh", "được thông báo" hoặc "phát hiện" lần đầu trong thời hạn của Hợp đồng này.</p>	<p>Liability Exclusion And Limited Writeback (in accordance with Clause 10 of the Joint Excess Loss Committee Clauses - CL432)</p> <p>10.1 Unless otherwise agreed, this Contract excludes claims in respect of sums which any directly insured becomes liable to pay to any other party, unless arising from those policies underwritten by the direct insurer on a "claims made", "occurrences reported" or "losses discovered" basis, and then only where the claim, or notification of the event giving rise to the claim, is first "made", "reported" or "discovered" during the period of this Contract.</p>

<p>10.2 Bất kể các quy định ở trên, Hợp đồng này sẽ không loại trừ các khiếu nại phát sinh từ:</p> <p>10.2.1 việc sở hữu, hỗ trợ tài chính, quản lý, vận hành, thuê, đóng mới, hoán cải, sửa chữa, tu sửa hoặc phá dỡ tàu biển hoặc các phương tiện thủy nội địa và tất cả các thiết bị trên tàu hoặc phương tiện thủy nội địa;</p> <p>10.2.2 công tác vận hành liên quan đến các đập ngăn nước biển, cảng biển, cảng hàng hóa, bến cảng, cầu cảng, cầu tàu, cầu phao, bến du thuyền, các khu nuôi trồng thủy sản, công nhân xếp dỡ hàng hóa, thợ lặn, dây cáp, nhiên liệu hàng hải, cung cấp nhiên liệu cho tàu biển, đại lý hàng hải, các nhà thầu hàng hải hoặc đại lý tàu thuyền;</p> <p>10.2.3 hoạt động xây dựng trên bờ liên quan đến các nghiệp vụ được quy định trong mục 10.2.2 và bất kỳ bảo hiểm nghiệp vụ nào đã được cung cấp, với điều kiện là các hợp đồng bảo hiểm đó có điều khoản về thời hạn phát hiện hoặc khiếu nại chấm dứt không quá 36 tháng sau khi hợp đồng bảo hiểm hết hiệu lực;</p> <p>10.2.4 công tác thăm dò, khoan, khai thác hydrocarbon và các hoạt động liên quan trực tiếp đến công tác thăm dò, khoan, khai thác hydrocarbon, bao gồm xây dựng, hoán cải, sửa chữa, tu sửa, ngừng hoạt động hoặc phá dỡ cần thiết cho các hoạt động đó;</p> <p>10.2.5 các trang trại điện gió trên biển, công trình khai thác năng lượng sóng trên biển và các hoạt động liên quan trực tiếp bao gồm xây dựng, hoán cải, sửa chữa, tu sửa, ngừng hoạt động hoặc phá dỡ cần thiết cho các hoạt động đó;</p> <p>10.2.6 vận chuyển và lưu kho hàng hóa trong quá trình vận chuyển thông thường bằng đường thủy, đường hàng không, đường bộ hoặc đường ống;</p> <p>10.2.7 trách nhiệm bồi thường nghề nghiệp và hoặc các lỗi hoặc sơ suất, tuy nhiên chỉ khi phát sinh trực tiếp từ các nghiệp vụ được quy định tại các mục 10.2.1, 10.2.2 và 10.2.6 hoặc phát sinh từ hoạt động của các tổ chức phân cấp tàu hoặc các tổ chức giám định năng lượng thượng nguồn hoặc giám định hàng hải; hoặc</p> <p>10.2.8 các tổn thất vật chất, thiệt hại hoặc tổn thất do hậu quả do người được bảo hiểm trực tiếp gây cho một bên khác từ các nghiệp vụ được quy định trong các mục từ 10.2.1 đến 10.2.7.</p>	<p>10.2 Notwithstanding the foregoing this Contract shall not exclude claims arising from:</p> <p>10.2.1 the ownership, financing, management, operation, chartering, construction, conversion, repair, refitting or demolition of marine or inland waterway vessels, craft or units and all integral components;</p> <p>10.2.2 operations in respect of seawalls, marine and cargo terminals, ports, harbours, wharves, piers, jetties, docks, berths, pontoons, marinas, fish farms, stevedores, divers, cables, marine fuelling, bunkering, marine agents, marine contractors or boat dealers;</p> <p>10.2.3 onshore construction relating to operations identified in Clause 10.2.2 and any completed operations cover afforded therein provided such policies contain a discovery or cut-off clause terminating no more than 36 months after expiry of the policy;</p> <p>10.2.4 hydrocarbon exploration, drilling, production and activities directly related thereto including construction, conversion, repair, refitting, decommissioning or demolition required for such operations;</p> <p>10.2.5 offshore wind farms, offshore wave energy facilities, and activities directly related thereto including construction, conversion, repair, refitting, decommissioning or demolition required for such operations;</p> <p>10.2.6 cargo or specie transit and storage in the ordinary course of transit, by water or air or land conveyance or pipeline;</p> <p>10.2.7 liability for professional indemnity and or errors and omissions but only when directly arising out of the operations identified in Clause 10.2.1, 10.2.2 and 10.2.6 or from the activities of classification societies or upstream energy surveyors or marine surveyors; or</p> <p>10.2.8 physical loss, damage, or consequential loss contingent thereon effected by a direct insured on behalf of another party when arising out of the operations identified in Clause 10.2.1 to 10.2.7.</p> <p>10.3 Notwithstanding anything contained herein to the contrary, this Contract excludes:</p>
---	--

	<p>10.3 Bất kể các quy định khác trong Điều khoản loại trừ này, Hợp đồng này không bảo hiểm cho:</p> <p>10.3.1 trách nhiệm đối với các sản phẩm được sản xuất, tinh chế, chế tạo hoặc phân phối;</p> <p>10.3.2 trách nhiệm phát sinh từ việc sở hữu, hỗ trợ tài chính, quản lý, vận hành, xây dựng hoặc sử dụng:</p> <p>10.3.2.1 máy bay, thiết bị bay không người lái, đường băng, nhà vòm máy bay hoặc sân bay;</p> <p>10.3.2.2 cầu hoặc đường hầm;</p> <p>10.3.2.3 đường ống trên bờ hoặc hoạt động truyền tải hoặc phân phối điện;</p> <p>10.3.2.4 nhà máy lọc dầu, nghiệp vụ khai thác cát dầu (ngoại trừ hoạt động kiểm soát các giếng thoát nước trọng lực nhờ hỗ trợ bơm nhiệt thuộc nghiệp vụ này), công trình nâng cấp khai thác, các nhà máy phát điện không cố định trên bờ, nhà máy sản xuất gió trên bờ, các cơ sở sản xuất hóa chất, hóa dầu hoặc sản xuất phân bón;</p> <p>trừ khi phát sinh trực tiếp từ các nghiệp vụ quy định tại Mục 10.2.</p> <p>10.3.3 trách nhiệm của Giám đốc và cán bộ quản lý;</p> <p>10.3.4 trách nhiệm pháp lý theo Luật Giao dịch Chứng khoán;</p> <p>10.3.5 bồi thường nghề nghiệp, các lỗi và sơ suất trừ khi được bảo hiểm theo mục 10.2.7.</p>	<p>10.3.1 liability for any manufactured, refined, fabricated or distributed products;</p> <p>10.3.2 liabilities arising from the ownership, financing, management, operation, construction or use of:</p> <p>10.3.2.1 aircraft, drones, landing strips, aircraft hangars or airports;</p> <p>10.3.2.2 bridges or tunnels;</p> <p>10.3.2.3 onshore pipelines or power transmission or distribution operations;</p> <p>10.3.2.4 oil refineries, oil sands operations (other than well control of steam assisted gravity drainage wells as part of such operations), production upgraders, onshore non-captive power generation plants, onshore windfarms, chemical facilities, petrochemical facilities or fertiliser manufacturing facilities; unless arising directly out of the operations in Clause 10.2.</p> <p>10.3.3 Directors' and officers' liability;</p> <p>10.3.4 liability under the Securities Exchange Act;</p> <p>10.3.5 professional indemnity and errors and omissions save as covered under Clause 10.2.7.</p>
<p>10.</p>	<p>Loại trừ rủi ro chính trị, Bảo lãnh tài chính và rủi ro tín dụng (theo điều 16 của Ủy ban Tái bảo hiểm vượt mức bồi thường CL432)</p> <p>16.1 Trừ khi có thỏa thuận khác, Hợp đồng này không bảo hiểm cho các tổn thất, thiệt hại, trách nhiệm pháp lý và chi phí phát sinh từ các Rủi ro chính trị, Bảo lãnh Tài chính và Rủi ro Tín dụng như sau:</p> <p>16.1.1 không hoàn thành các nghĩa vụ Hợp đồng bao gồm không thanh toán hoặc không thực hiện theo các thỏa thuận hợp đồng hoặc thỏa thuận hỗ trợ tài chính;</p> <p>16.1.2 không hoàn thành các nghĩa vụ Tín dụng, bao gồm không thanh toán hoặc không thực hiện theo các thỏa thuận hợp đồng hoặc thỏa thuận hỗ trợ tài chính;</p>	<p>Political Risk, Financial Guarantee and Credit Risk Exclusion (in accordance with Clause 16 of the Joint Excess Loss Committee Clauses CL432)</p> <p>16.1 Unless otherwise agreed, this Contract excludes any loss, damage, liability and expense arising from Political Risks, Financial Guarantees and Credit Risks as follows:</p> <p>16.1.1 any form of Contract Frustration business including non-payment or non-performance under any contractual agreement or financing instrument;</p> <p>16.1.2 any form of Credit business, including non-payment or non-performance under any contractual agreement or financing instrument;</p>

	<p>16.1.3 các hình thức Bảo lãnh tài chính ngoài các Bảo lãnh tài chính đã cấp để ngăn chặn việc bắt giữ hoặc đảm bảo cho tàu được thả tự do hoặc các bảo lãnh cấp cho hoặc thay mặt cho người được bảo hiểm trực tiếp theo yêu cầu của pháp luật để cho phép tàu được giao thương hoặc hoạt động trong bất kỳ khu vực nhất định nào;</p> <p>16.1.4 Bảo lãnh, ngoại trừ Bảo lãnh cứu nạn biển, Bảo lãnh tổn thất chung hoặc Bảo lãnh trong trường hợp đâm va;</p> <p>16.1.5 các hình thức Tịch thu, Quốc hữu hóa, Sung công, Tước đoạt tài sản trừ khi được tính vào rủi ro chiến tranh đối với thân tàu hoặc hàng hóa trong phạm vi có thể được bồi thường theo bộ điều khoản Chiến tranh và Đình công liên quan hoặc bộ điều khoản tương đương hoặc được các nhà tái bảo hiểm đồng ý tại thời điểm Hợp đồng này có hiệu lực;</p> <p>16.1.6 Buộc phải từ bỏ tài sản trong trường hợp chính phủ hoặc cán bộ quản lý thông báo cho nhân viên sơ tán khỏi quốc gia hoặc khu vực liên quan.</p>	<p>16.1.3 any form of Financial Guarantee other than those issued to prevent arrest or secure release of the vessel or those issued to or on behalf of a direct insured as required by law to permit the vessel to trade or operate in any given area;</p> <p>16.1.4 Surety other than Salvage Guarantees, General Average Guarantees or Collision Guarantees;</p> <p>16.1.5 any form of Confiscation, Nationalisation, Expropriation, Deprivation unless written as part of a hull or cargo or specie war risk and then only to the extent that it would be recoverable under the relevant Institute War and Strikes clauses or their equivalent or as agreed by reinsurers at the inception of this Contract;</p> <p>16.1.6 Forced Abandonment where personnel have been advised by a government or their management to evacuate from the country or region.</p>
<p>11.</p>	<p>Điều khoản loại trừ khủng bố của Ủy ban Tái bảo hiểm vượt mức bồi thường (XL 2001/002) 16/11/2001</p> <p>Điều khoản Loại trừ khủng bố của Ủy ban tái bảo hiểm vượt mức bồi thường (XL 2001/002) sẽ không áp dụng cho những trường hợp sau đây:</p> <p>1. Các tổn thất, thiệt hại, trách nhiệm pháp lý hoặc chi phí phát sinh từ quá trình vận hành, sở hữu, quản lý hoặc thuê:</p> <p>1.1 Tàu thuyền khi đang ở ngoài khơi, nổi trên mặt biển, đang trong thời gian đóng mới hoặc sửa chữa, đang ở trong bến tàu hoặc trong thời gian lưu kho trên bờ.</p> <p>1.2 đập ngăn nước biển, cầu cảng, cầu tàu, bến cảng, bến tàu, cầu phao và các thiết bị trên bến cảng trong phạm vi giới hạn của cảng, bến tàu, nhà máy đóng tàu, bến cảng hoặc bến du thuyền.</p> <p>2. Các tổn thất, thiệt hại, trách nhiệm pháp lý hoặc chi phí phát sinh từ quá trình vận chuyển, xếp dỡ hoặc lưu kho:</p> <p>2.1 Hàng hóa trong quá trình vận chuyển thông thường theo Điều khoản chấm dứt hành trình (Rủi ro khủng bố) sửa đổi (được trình bày dưới đây)</p>	<p>Joint Excess Loss Committee Terrorism Exclusion Clause (XL 2001/002) 16/11/2001</p> <p>The Joint Excess Loss Committee Terrorism Exclusion Clause (XL 2001/002) shall not apply to the following:</p> <p>1. Any loss, damage, liability, or expense arising from the operation, ownership, management, or chartering of:</p> <p>1.1 Vessels, craft, and units, whilst offshore, afloat, under construction or repair, in dock, or in store ashore.</p> <p>1.2 Seawalls, wharves, piers, jetties, docks, berths, pontoons, and associated dockside equipment all whilst within the confines of the port, terminal, shipyard, harbour, or marina.</p> <p>2. Any loss, damage, liability or expense arising from the carriage, shipment or storage of:</p> <p>2.1 Cargo in the ordinary course of transit in accordance with the Termination of Transit Clause (Terrorism) Amended (as below) or the Termination of Transit Clause (Terrorism) 2009 (as below).</p>

	<p>hoặc Điều khoản chấm dứt hành trình (Rủi ro khủng bố) 2009 (được trình bày dưới đây).</p> <p>Đối với hoạt động vận chuyển Hàng hóa, Điều khoản loại trừ khủng bố sẽ không áp dụng nếu tổn thất xảy ra do “Hành vi trộm cắp”.</p> <p>“Hành vi trộm cắp” sẽ được coi là trộm cắp bất kể động cơ của (các) đối tượng tham gia thực hiện hành vi đó.</p>	<p>With regard to Cargo business, the Terrorism Exclusion Clause shall not apply if a loss occurs due to an "Act of Theft".</p> <p>An "Act of Theft" will be treated as theft regardless of the motive of the perpetrator(s) involved.</p>
<p>12.</p>	<p>Điều khoản chấm dứt hành trình (rủi ro khủng bố) (JC2001/056)</p> <p>Điều khoản này là có hiệu lực cao nhất và có tính phủ quyết đối với mọi quy định trong bảo hiểm này có mâu thuẫn với nó</p> <p>1. Bất kể có điều khoản nào trong đơn bảo hiểm hoặc các điều khoản bổ sung được tham chiếu có nghĩa trái ngược, các bên thoả thuận rằng trong trường hợp đơn bảo hiểm bảo hiểm tổn thất cho đối tượng được bảo hiểm do khủng bố hoặc bất cứ người nào hành động với động cơ chính trị gây ra, việc bảo hiểm này phải có điều kiện là đối tượng được bảo hiểm đang trong quá trình vận chuyển bình thường, và trong mọi trường hợp, sẽ chấm dứt:</p> <p>hoặc là</p> <p>1.1. theo các điều khoản vận chuyển có trong Hợp đồng/ đơn bảo hiểm này</p> <p>1.2. hoặc khi giao hàng tới Người nhận hàng hoặc kho hàng cuối cùng hoặc nơi lưu kho hàng hoá tại nơi giao hàng tại cảng đến đã được ghi rõ</p> <p>1.3. khi giao hàng tới bất cứ kho hàng khác hoặc nơi lưu kho hàng hoá, cho dù trước hoặc tại điểm đích đã được nêu rõ, mà Người được bảo hiểm lựa chọn để sử dụng hoặc cho mục đích lưu kho hàng mà không nằm trong hành trình vận chuyển thông thường của hàng hoá hoặc tới điểm phân phối.</p> <p>hoặc</p> <p>1.4. đối với vận chuyển đường biển, sau thời hạn 60 ngày kể từ khi kết thúc việc dỡ hàng ra khỏi phương tiện vận chuyển,</p>	<p>Cargo Termination of Transit Clause (Terrorism) (JC2001/056)</p> <p>This clause shall be paramount and shall override anything contained in this insurance inconsistent therewith.</p> <p>1. Notwithstanding any provision to the contrary contained in this Policy or the Clauses referred to therein, it is agreed that in so far as this Policy covers loss of or damage to the subject-matter insured caused by any terrorist or any person acting from a political motive, such cover is conditional upon the subject-matter insured being in the ordinary course of transit and, in any event, shall terminate: either</p> <p>1.1. As per the transit clauses contained within the Policy, or</p> <p>1.2. on delivery to the Consignee's or other final warehouse or place of storage at the destination named herein,</p> <p>1.3. on delivery to any other warehouse or place of storage, whether prior to or at the destination named herein, which the Assured elect to use either for storage other than in the ordinary course of transit or for allocation or distribution, or</p> <p>1.4. in respect of marine transits, on the expiry of 60 days after completion of discharge oversee of the goods hereby insured from the oversea vessel at the final port of discharge,</p> <p>1.5. in respect of air transits, on the expiry of 30 days after unloading the</p>

	<p>hàng hóa ở đây được dỡ ra khỏi tàu biển tại cảng dỡ hàng cuối cùng.</p> <p>1.5. đối với vận chuyển đường hàng không, sau thời hạn 30 ngày kể từ khi kết thúc dỡ hàng ra khỏi máy bay tại điểm dỡ hàng cuối cùng.</p> <p>Tính theo thời điểm nào xảy ra trước.</p> <p>2. Nếu trong Hợp đồng hoặc các điều khoản ở đây có bảo hiểm đặc biệt cho vận chuyển trên đất liền hoặc tiếp tục vận chuyển trong lãnh thổ từ nơi lưu kho, hoặc chấm dứt như đã đề cập ở trên, bảo hiểm sẽ quay lại có hiệu lực tiếp tục được tính trong quá trình vận chuyển thông thường của hàng hóa cho đến khi lại kết thúc theo như điều 1.</p> <p>3. Điều khoản này tuân thủ theo Luật và tập quán Anh.</p>	<p>subject-matter insured from the aircraft at the final place of discharge, whichever shall first occur.</p> <p>2. If this Policy or the Clauses referred to therein specifically provide cover for inland or other further transits following on from storage, or termination as provided for above, cover will re-attach, and continues during the ordinary course of that transit terminating again in accordance with clause 1.</p> <p>3. This clause is subject to English law and practice.</p>
<p>13.</p>	<p>Điều khoản loại trừ bệnh truyền nhiễm JX2020-009A</p> <p>1. Bất kể các điều khoản quy định khác trong hợp đồng (tái) bảo hiểm này, các bên đồng ý rằng hợp đồng (tái) bảo hiểm này loại trừ hoàn toàn tất cả các Tồn thất do Bệnh truyền nhiễm, ngoại trừ những trường hợp thỏa mãn quy định về Trường hợp ngoại lệ đối Cá nhân bị nhiễm bệnh.</p> <p>2.1 “Tồn thất do Bệnh truyền nhiễm” bao gồm mọi tổn thất, thiệt hại, trách nhiệm pháp lý hoặc chi phí các loại, trực tiếp gây ra bởi hoặc phá sinh chính từ hoặc liên quan tới các trường hợp bị loại trừ. Những trường hợp bị loại trừ bao gồm:</p> <p>a) Bệnh truyền nhiễm, và/hoặc</p> <p>b) mối lo lắng hoặc đe dọa, bất kể là có thực hay theo cảm nhận về sự tồn tại của một căn Bệnh truyền nhiễm, và/hoặc</p> <p>c) bất kỳ khuyến cáo, quyết định hoặc biện pháp nào được đưa ra hoặc thực hiện bởi các cơ quan công quyền hoặc các tổ chức tư nhân để hạn chế, ngăn ngừa, giảm thiểu hoặc làm chậm sự lây lan của một căn Bệnh truyền nhiễm hoặc để loại bỏ hoặc giảm thiểu trách nhiệm pháp lý phát sinh liên quan đến căn bệnh đó, và/hoặc</p> <p>d) bất kỳ khuyến cáo, quyết định hoặc biện pháp nào được đưa ra hoặc thực hiện bởi cơ quan công quyền hay các tổ chức tư nhân để thay đổi, đảo</p>	<p>Communicable Disease Exclusion JX2020-009A</p> <p>1. Notwithstanding any provision to the contrary in this (re)insurance, it is hereby agreed that this (re)insurance excludes absolutely all Communicable Disease Loss, save where the conditions of the Infected Individual Exception are met.</p> <p>2.1 “Communicable Disease Loss” shall mean all loss, damage, liability, or expense of whatsoever nature, proximately caused by or significantly caused by or contributed to by or resulting from or arising out of or in connection with any of the Excluded Circumstances, those Circumstances being</p> <p>a) a Communicable Disease, and/or</p> <p>b) the fear or threat, whether actual or perceived, of a Communicable Disease, and/or</p> <p>c) any recommendation, decision or measure, made or taken to restrict, prevent, reduce or slow the spread of infection of a Communicable Disease or to remove or minimise legal liability in respect of such a disease, whether made or taken by a public authority or a private entity and/or</p> <p>d) any recommendation, decision or measure made or taken to alter, reverse or remove any</p>

<p>ngược hoặc loại bỏ bất kỳ trường hợp nào thuộc mục (c) ở trên, bất kể có nguyên nhân hoặc hoàn cảnh nào khác góp phần đồng thời gây ra hoặc có liên quan tới quá trình này.</p> <p>2.2 Không làm ảnh hưởng đến hiệu lực của các quy định tại các mục 2.1 (a), (b) và (d), các khuyến cáo, quyết định và biện pháp mà bất kỳ người nào thực hiện nhằm neo giữ hoặc dừng hoạt động của tàu, tại cảng hoặc địa điểm khác, đối với tàu, phương tiện vận chuyển, giàn khoan trong quá trình chờ khôi phục hoạt động, vận hành, giao thương, xếp dỡ hàng hóa hoặc các mục đích thông thường khác sẽ không cấu thành các trường hợp bị loại trừ, cho dù các trường hợp này có thể đã được thực hiện vì các lý do nêu trong mục 2.1 (c) ở trên.</p> <p>2.3 Không làm ảnh hưởng đến hiệu lực của các quy định tại các mục 2.1 (a), (b) và (c) ở trên, trong trường hợp một sự kiện tổn thất phát sinh đối với tàu, phương tiện vận chuyển, giàn khoan trong chuyến đi là hệ quả của việc chuyển hướng đi của tàu, thì những khuyến cáo, quyết định hoặc biện pháp mà bất kỳ người nào thực hiện trước đó để chuyển hướng tàu ra khỏi điểm xếp dỡ hàng hóa dự định ban đầu hoặc các điểm đến khác sẽ không cấu thành các trường hợp bị loại trừ nếu chỉ vì việc chuyển hướng đó có thể đã được thực hiện vì các lý do nêu trong mục 2.1 (c) ở trên.</p> <p>2.4 Không làm ảnh hưởng đến hiệu lực của các quy định tại các mục 2.1 (a), (b) và (c) ở trên, nếu các tổn thất, thiệt hại hoặc trách nhiệm pháp lý phát sinh từ các trường hợp không bị loại trừ trong các mục từ 2.1 (a) đến (d) ở trên thì các chi phí hoặc trách nhiệm phát sinh thêm sẽ không bị loại trừ mặc dù các chi phí hoặc trách nhiệm này có thể đã phát sinh vì các lý do nêu trong mục 2.1 (c) ở trên.</p> <p>3. “Bệnh truyền nhiễm” có nghĩa là bất kỳ bệnh nào, cho dù đã biết hoặc chưa biết, có thể lây truyền từ sinh vật này sang sinh vật khác bằng bất kỳ vật chất hoặc tác nhân nào trong đó:</p> <p>a) vật chất hoặc tác nhân đó bao gồm nhưng không giới hạn các loại vi rút, vi khuẩn, ký sinh trùng hoặc sinh vật khác hoặc bất kỳ biến thể hoặc đột biến nào của chúng, cho dù được coi là sống hay không, và</p> <p>b) phương thức lây truyền, dù trực tiếp hay gián tiếp, được quy định bao gồm nhưng không giới hạn việc chạm vào hoặc tiếp xúc với người, lây truyền</p>	<p>circumstance falling within (c) above, whether made or taken by a public authority or a private entity regardless of any other cause or circumstance contributing concurrently or in any other sequence thereto.</p> <p>2.2 Without prejudice to the effect of Clauses 2.1 (a), (b) and (d), recommendations, decisions and measures by whomsoever taken to tie-up, lay-up or maintain at anchor, in port or elsewhere, any vessel, conveyance, rig or platform pending resumption of cruising, operation, trading, cargo loading or discharge or other customary use shall not constitute Excluded Circumstances, notwithstanding they or any of them may have been taken for the reasons set out in 2.1 (c) above.</p> <p>2.3 Without prejudice to the effect of Clauses 2.1 (a), (b) and (d) for the purposes of a loss event first affecting a vessel, conveyance, rig or platform during a voyage undertaken as a consequence of a diversion, a prior recommendation, decision or measure by whomsoever taken to divert that vessel from an earlier loading or discharge or other destination shall not constitute an Excluded Circumstance solely by reason of that diversion having been made for the reasons set out in 2.1 (c) above.</p> <p>2.4 Without prejudice to the effect of Clauses 2.1 (a), (b) and (d), where loss, damage or liability have first been incurred in circumstances which are not excluded under 2.1 (a) to (d) above, increased expense or increased liability for expense shall not be excluded notwithstanding that increase may have been incurred for the reasons set out in 2.1(c) above.</p> <p>3. “Communicable Disease” shall mean any disease, known or unknown, which can be transmitted by means of any substance or agent from one organism to another where:</p> <p>a) the substance or agent includes but is not limited to a virus, bacterium, parasite or other organism or any variation or mutation of any of the foregoing, whether deemed living or not, and</p> <p>b) the method of transmission, whether direct or indirect, includes but is not limited to human</p>
--	--

qua không khí, lây truyền qua dịch cơ thể, truyền đến hoặc từ hoặc qua bề mặt của các vật thể rắn, chất lỏng hoặc khí và

c) căn bệnh, vật chất hoặc tác nhân đó có thể gây tử vong, bệnh tật hoặc tổn hại đến sức khỏe tinh thần hoặc thể chất tạm thời hoặc vĩnh viễn hoặc ảnh hưởng xấu đến giá trị hoặc khả năng sử dụng của bất kỳ tài sản nào, bất kể căn bệnh, vật chất hoặc tác nhân đó hoạt động đơn lẻ hoặc kết hợp với các bệnh đi kèm khác, hoặc tình trạng, tính nhạy cảm của gen di truyền hoặc kết hợp với hệ miễn dịch của con người.

4.1 Quy định về trường hợp ngoại lệ đối Cá nhân bị nhiễm bệnh áp dụng khi (1) hành động hoặc quyết định của bất kỳ cá nhân nào bị nhiễm bệnh hoặc được cho là bị nhiễm căn Bệnh truyền nhiễm gây ra hoặc góp phần gây ra sự kiện tổn thất và (2) hành động hoặc quyết định đó cũng như nguyên nhân được cho là gây ra tổn thất không phải là khuyến cáo, quyết định hoặc biện pháp được quy định trong mục 2.1 (c) hoặc 2.1 (d) ở trên.

4.2 Khi đáp ứng các điều kiện trên, thực tế hoặc khả năng (các) hành động hoặc quyết định của cá nhân bị ảnh hưởng hoặc gây ra bởi tình trạng lây nhiễm thực tế hoặc bị cáo buộc của cá nhân đó sẽ không loại trừ việc chi trả bồi thường cho tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm theo hợp đồng này, với điều kiện là không được bảo hiểm cho tổn thất, thiệt hại, trách nhiệm pháp lý hoặc chi phí phát sinh từ bất kỳ trường hợp làm gia tăng lây lan, tỷ lệ mắc bệnh, mức độ nghiêm trọng hoặc tái phát Bệnh truyền nhiễm hoặc từ bất kỳ trường hợp nào được định nghĩa trong Mục 2.1 (c) hoặc (d) do hậu quả của hành động hoặc quyết định của cá nhân đó.

4.3 Theo quy định về trường hợp ngoại lệ này, Cá nhân bị nhiễm bệnh không cần phải có mặt trực tiếp hoặc có quyền lợi bị ảnh hưởng bởi sự kiện tổn thất, với điều kiện là hành động hoặc quyết định của cá nhân đó gây ra hoặc góp phần gây ra sự kiện tổn thất và ảnh hưởng đến quyền lợi đó một cách trực tiếp hoặc gián tiếp, và quyền lợi đó nếu không bị ảnh hưởng sẽ thuộc phạm vi công việc bình thường của cá nhân đó.

5. Các tổn thất, thiệt hại, trách nhiệm pháp lý và chi phí chi phát sinh từ sự kiện tổn thất thuộc phạm vi của hợp đồng (tái) bảo hiểm này và không bị loại trừ theo Điều khoản này vẫn được bảo hiểm theo

touch or contact, airborne transmission, bodily fluid transmission, transmission to or from or via any solid object or surface or liquid or gas and

c) the disease, substance or agent may, acting alone or in conjunction with other co-morbidities, conditions, genetic susceptibilities, or with the human immune system, cause death, illness or bodily harm or temporarily or permanently impair human physical or mental health or adversely affect the value of or safe use of property of any kind.

4.1 The Infected Individual Exception shall apply where (1) the actions or decisions of any individual infected or allegedly infected with a Communicable Disease cause or contribute to an alleged loss event and (2) neither such action nor decision nor the alleged cause of the loss event itself was a recommendation, decision or measure as defined in 2.1 (c) or 2.1 (d) above.

4.2 Where those conditions are met, the fact or possibility that the individual's action(s) or decision(s) were impaired or affected by or caused by that individual's alleged or actual infection shall not exclude recovery of a Loss otherwise recoverable hereon provided always that there shall be no cover for loss, damage, liability, or expense arising from any increase in the spread, incidence, severity or recurrence of a Communicable Disease or from any Circumstance as defined in Clause 2.1 (c) or (d) consequent on that individual's actions or decisions.

4.3 For the purposes of this Exception, the Infected Individual need not be physically present on or in an interest affected by the loss event, provided that his or her actions or decisions causing or contributing to the loss event and affecting that interest, directly or indirectly, were of a kind which, when not impaired or affected, would fall within the ordinary course of his or her employment.

5. Loss, damage, liability and expense arising solely out of a loss event otherwise reinsured under this (re)insurance and not excluded thereby nor excluded pursuant to this Clause

	<p>các điều khoản và điều kiện của hợp đồng tương ứng.</p> <p>JX2020-009A</p> <p>06/11/2020</p>	<p>remain covered in accordance with the terms and conditions thereof.</p> <p>JX2020-009A</p> <p>06/11/2020</p>
14.	<p>Sửa đổi bổ sung không gian mạng Hàng hải – LMA5403</p> <p>1. Tùy thuộc vào mục 3 dưới đây, trong mọi trường hợp hợp đồng bảo hiểm này sẽ không bảo hiểm tổn thất, thiệt hại, trách nhiệm hoặc chi phí phát sinh trực tiếp hoặc gián tiếp gây ra hoặc đóng góp bởi hoặc phát sinh từ việc sử dụng hoặc vận hành thiết bị công nghệ thông tin như là một phương thức gây hại từ bất kỳ máy tính, hệ thống máy tính, chương trình phần mềm, mã độc, vi rút máy tính, dữ liệu máy tính hoặc bất kỳ hệ thống điện tử khác.</p> <p>2. Tùy thuộc vào điều kiện, giới hạn và các loại trừ của đơn bảo hiểm bao gồm điều khoản này, việc bồi thường theo đơn bảo hiểm này sẽ không bị ảnh hưởng bởi việc sử dụng hoặc vận hành bất kỳ máy tính, hệ thống máy tính, chương trình phần mềm, dữ liệu máy tính hoặc bất kỳ hệ thống điện tử khác trừ khi việc sử dụng hoặc vận hành đó là phương thức gây hại.</p> <p>3. Khi điều khoản này được sửa đổi theo đơn nhằm bảo hiểm đối với rủi ro chiến tranh, nội chiến, bạo loạn, bạo động, nổi dậy, bạo động dân sự hoặc các hành động thù địch của/hoặc chống lại thể lực hiệu chiến hay khủng bố, hành động của con người có động cơ chính trị thì mục 1 sẽ không bị loại trừ đối với những tổn thất phát sinh từ việc sử dụng bất kỳ máy tính, hệ thống máy tính, chương trình phần mềm hoặc bất kỳ hệ thống điện tử khác đang trong quá trình vận hành hoặc/và hệ thống hướng dẫn hoặc/và cơ chế triển khai phóng tên lửa hoặc vũ khí.</p> <p>LMA5403</p> <p>11 November 2019</p>	<p>Marine Cyber Endorsement – LMA 5403</p> <p>1. Subject only to paragraph 3 below, in no case shall this insurance cover loss, damage, liability or expense directly or indirectly caused by or contributed to by or arising from the use or operation, as a means for inflicting harm, of any computer, computer system, computer software programme, malicious code, computer virus, computer process or any other electronic system.</p> <p>2. Subject to the conditions, limitations and exclusions of the policy to which this clause attaches, the indemnity otherwise recoverable hereunder shall not be prejudiced by the use or operation of any computer, computer system, computer software programme, computer process or any other electronic system, if such use or operation is not as a means for inflicting harm.</p> <p>3. Where this clause is endorsed on policies covering risks of war, civil war, revolution, rebellion, insurrection, or civil strife arising therefrom, or any hostile act by or against a belligerent power, or terrorism or any person acting from a political motive, paragraph 1 shall not operate to exclude losses (which would otherwise be covered) arising from the use of any computer, computer system or computer software programme or any other electronic system in the launch and/or guidance system and/or firing mechanism of any weapon or missile.</p> <p>LMA5403</p> <p>11 November 2019</p>
15.	<p>Điều khoản tổn thất không gian mạng của Ủy ban tái bảo hiểm vượt mức bồi thường (JX2020-007)</p> <p>1. Cho dù bất kỳ điều khoản nào khác của hợp đồng này bảo vệ cho Điều 2 dưới đây, trong mọi trường hợp, hợp đồng bảo hiểm này sẽ không bảo hiểm tổn thất, thiệt hại, trách nhiệm hoặc chi phí phát sinh trực tiếp hoặc gián tiếp gây ra hoặc đóng góp bởi hoặc phát sinh từ việc sử dụng hoặc vận hành Thiết bị Công nghệ Thông tin như là một phương thức gây hại.</p> <p>2. Khi điều khoản này được cấp bổ sung trên đơn bảo hiểm có bảo hiểm rủi ro chiến tranh, nội chiến,</p>	<p>Joint Excess Loss Cyber Loss Clause (JX2020-007)</p> <p>1. Notwithstanding any other term of this Contract save for Clause 2 below, in no case shall this Contract cover loss, damage, liability, or expense directly or indirectly caused by or contributed to by or arising from the use or operation of an Information Technology Device as a means for inflicting harm.</p> <p>2. Where this clause is endorsed on policies covering risks of war, civil war, revolution,</p>

	<p>cách mạng, nổi loạn, phiến loạn, hoặc xung đột dân sự phát sinh từ đó, hoặc bất kì những hành động thù địch bởi hoặc chống lại một thế lực tham chiến, hoặc khủng bố hoặc hành động của bất kì người nào vì mục đích chính trị, Điều 1 sẽ không loại trừ những tổn thất mà đã được bảo hiểm phát sinh từ việc sử dụng bất kì Thiết bị Công nghệ Thông tin trong việc phóng và/hoặc hệ thống dẫn đường và/hoặc hệ thống khai hỏa của bất kì vũ khí hoặc tên lửa nào.</p> <p>3. Trường hợp Thiết bị Công nghệ Thông tin không được sử dụng hoặc vận hành như một phương thức gây hại, mọi tổn thất, thiệt hại, trách nhiệm hoặc chi phí xảy ra sau đó sẽ bị loại trừ trừ khi một hiểm họa vật chất được nêu trong Điều khoản về các mối nguy hiểm Công nghệ Thông tin trong JELC CL432(16/10/2017) cũng là một nguyên nhân đáng kể dẫn tới tổn thất. Trong trường hợp đó, Hợp đồng này sẽ bảo hiểm cho những tổn thất, thiệt hại, trách nhiệm hoặc chi phí có liên quan nhưng chỉ trong phạm vi được quy định tại Điều khoản đó, dù cho Điều khoản đó có là một phần của Hợp đồng này hay không.</p> <p>4. Vì mục đích của Điều khoản này, Thiết bị Công nghệ Thông tin có nghĩa là bất kì hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, chương trình, mã hóa, dữ liệu, quy trình, vi rút, kho thông tin, vi mạch, mạch tích hợp hoặc thiết bị tương tự có trong hoặc được kết nối với thiết bị máy tính hoặc thiết bị không phải là máy tính, dù cho tài sản đó thuộc người được bảo hiểm trực tiếp hay không.</p>	<p>rebellion, insurrection, or civil strife arising therefrom, or any hostile act by or against a belligerent power, or terrorism or any person acting from a political motive, Clause 1 shall not exclude losses which would otherwise be covered arising from the use of any Information Technology Device in the launch and/or guidance system and/or firing mechanism of any weapon or missile.</p> <p>3. Where the use or operation of an Information Technology Device was not used as a means of inflicting harm, any ensuing loss, damage, liability or expense shall be excluded unless a physical peril named in the Information Technology Hazards Clause within JELC CL432 (16/10/2017) was also a significant cause of a loss. In such case this Contract shall cover the loss, damage, liability or expense in accordance with but only to the extent provided for in that Clause, whether that Clause forms part of this Contract or not.</p> <p>4. For the purposes of this clause, an Information Technology Device shall mean any computer system, hardware, software, programme, code, data, process, virus, information repository, microchip, integrated circuit or similar device in or connected with computer equipment or non-computer equipment, whether the property of a direct insured or not.</p>
<p>16.</p>	<p>Điều khoản bảo hiểm rủi ro trộm cắp và không giao hàng</p> <p>Các Bbn thống nhất rằng, trên cơ sở Người được bảo hiểm trả thêm phụ phí bảo hiểm, đơn bảo hiểm này đồng ý bồi thường cho tổn thất của đối tượng bảo hiểm do rủi ro trộm cắp hoặc không giao nguyên kiện hàng gây ra, nhưng việc giải quyết luôn phải căn cứ các điểm loại trừ quy định trong bảo hiểm này.</p>	<p>Theft, Pilferage and Non-delivery Clause</p> <p>In consideration of additional premium, it is hereby agreed that this insurance covers loss of or damage to the subject-matter insured caused by theft or pilferage, or by non-delivery of an entire package, subject always to the exclusions contained in this insurance.</p>
<p>17.</p>	<p>Điều khoản 50/50</p> <p>Khi hàng hóa tới cảng đến hoặc một địa điểm đến nào khác được ghi rõ trên đơn bảo hiểm hàng hóa, người được bảo hiểm phải tiến hành kiểm tra xem hàng có bị nghi ngờ tổn thất trong quá trình vận chuyển không. Trường hợp hàng hóa được đóng gói bao bì nhưng lại không mở ngay mà được chờ</p>	<p>50/50 Clause</p> <p>Upon arrival at the Contract Site all Insured property supplied intended to be part of the contract which is packed or crated should be visually inspected for signs of possible damage. If any sign of damage visible the items are to be unpacked immediately and further inspected</p>

	<p>để mở sau thì bất kỳ tổn thất nào có thể nhận ra bên ngoài bao bì cần phải được mở bao kiện ra ngay lập tức để tiến hành giám định tổn thất. Nếu có dấu hiệu của tổn thất bên ngoài bao gói mà không tiến hành mở ngay để giám định thì tổn thất đó sẽ không được bồi thường theo đơn bảo hiểm.</p> <p>Khi bên ngoài bao gói hàng hóa không có dấu hiệu là hàng hóa bị tổn thất trong quá trình vận chuyển, thì tại thời điểm mở bao gói hàng trong khoảng thời gian cho phép nếu phát hiện ra tổn thất, sẽ quy tổn thất xảy ra thuộc phạm vi trách nhiệm đơn bảo hiểm hàng hóa hay đơn bảo hiểm lắp đặt (EAR) nếu xác định được rõ ràng nguyên nhân tổn thất là trước hay sau khi hàng tới địa điểm đến. Trường hợp không thể xác định được tổn thất xảy ra trước hay sau khi hàng tới địa điểm đến, các bên thoả thuận và thống nhất rằng trách nhiệm sẽ chia đôi 50/50 giữa hai nhà bảo hiểm hàng hóa và bảo hiểm lắp đặt.</p>	<p>and reported to Marine Cargo Insurer, such loss or damage discovered is excluded by this policy.</p> <p>Where no sign of loss or damage to the packing exists any damage to the goods which subsequently becomes evident upon their unpacking within the period allowed will be ascribed to the Marine cover of the contract Works cover according to whether it is clear that it was caused before or after arrival of the property at the Contract Site. If it is not possible to establish whether the damage was caused before or after arrival of the goods at the Contract Site it is agreed that settlement will be made on 50%/50% basis between the Marine cover and Contract Works Cover.</p>
<p>18.</p>	<p>Điều khoản thay đổi địa điểm đến</p> <p>Liên quan đến Điều 10 trong bộ Quy tắc bảo hiểm hàng hóa (Điều kiện A/B/C) các bên thỏa thuận rằng bất kể có quy định nào nêu trong điều khoản đó có nội dung trái ngược, thì quyền lợi vẫn tự động được bảo hiểm theo các điều kiện bảo hiểm trong trường hợp Người được bảo hiểm thay đổi địa điểm đến.</p>	<p>Change of Destination Clause</p> <p>With reference to the 10th provision in the Institute Cargo Clauses (Condition A/B/C) and notwithstanding anything contained therein to the contrary it is hereby noted and agreed that in the event of any change of destination by the Assured, indemnity will automatically be extended and shall remain in force subject to an additional premium if required. Insurer shall receive prompt notification by the Assured, of such changes in destination</p>
<p>19.</p>	<p>Điều khoản về thuế</p> <p>Giá trị tăng thêm do phải trả thuế và/hoặc lệ phí được bảo hiểm, tuân thủ theo cùng điều kiện bảo hiểm trong hợp đồng và được thanh toán trên cơ sở phạm vi bảo hiểm đó nhưng loại trừ:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tổn thất toàn bộ, hoặc tổn thất toàn bộ của một bộ phận phát sinh trước thời điểm khoản thuế và/hoặc lệ phí đó phải thanh toán và dẫn đến việc không phải thanh toán khoản thuế và/hoặc lệ phí đó. 2. Trách nhiệm đóng góp tổn thất chung và chi phí cứu hộ trừ khi sự kiện dẫn đến tổn thất chung xảy ra sau thời điểm phải thanh toán thuế và/hoặc lệ phí. 	<p>Duty Clause</p> <p>This contract to cover increased value of cargo by reason of payment of duty and/or taxes at the port or place of destination but to apply only as such duty and/or taxes are imposed. Subject to the same clauses and conditions as the insurance on cargo and to pay the same percentage of loss (excluding charges and expenses) as the original insurance but excluding claims in respect of:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Total loss of whole or part of the cargo prior to the duty &/or taxes becoming payable.

	<p>Điều khoản này cũng loại trừ việc thanh toán khoản thuế sau khi phát sinh tổn thất đối với đối tượng bảo hiểm được bồi thường theo đơn bảo hiểm này cho cơ quan hữu quan của bất kỳ quốc gia nào mà đối tượng bảo hiểm quá cảnh hoặc cơ quan hữu quan của bất kỳ quốc gia nào là điểm đến của đối tượng bảo hiểm.</p>	<p>2. General average, salvage and/or salvage charges arising from any casualty occurring prior to the duty and/or taxes becoming payable.</p> <p>Liability hereunder shall be calculated on the actual amount of duty and/or taxes paid or the amount insured whichever is the lower and in ascertaining the amount of claim recoverable hereunder, credit shall be given for any rebate or refund of duty or taxes, which may become allowable.</p> <p>Warranted that the Assured will use reasonable efforts to obtain abatement or refund of duties and/or taxes paid or claimed in respect of goods lost, damaged or destroyed, and when Underwriters so elect shall surrender any portion of the merchandise to the Customs and/or other Authorities concerned, in which event the claim hereunder shall be for the value of the said merchandise so surrendered and the expenses incidental thereto.</p>
20.	<p>Điều khoản rủi ro trong quá trình bốc dỡ hàng</p> <p>Điều khoản này bảo hiểm cho tổn thất với đối tượng bảo hiểm trong quá trình xếp và dỡ hàng gây ra bởi nguyên kiện hàng bị rơi hoặc do va đập với phương tiện vận tải, phương tiện xếp dỡ trong quá trình làm hàng của công nhân hoặc cần cẩu, xe nâng... khi thao tác.</p>	<p>Loading and Unloading Clause</p> <p>This clause covers loss to the insured during the loading and unloading process caused by falling original packages or collisions with means of transport or loading and unloading vehicles during the process of loading and unloading goods by workers or cranes, forklifts... when operating.</p>
21.	<p>Điều khoản về trục trặc điện và cơ</p> <p>Loại trừ những tổn thất hoặc hư hỏng do các sự cố cơ, điện, điện tử trừ khi sự cố đó do một hiểm họa được bảo hiểm theo các điều khoản của hợp đồng này gây ra và có bằng chứng về thiệt hại bên ngoài.</p>	<p>Electrical and Mechanical Derangement Clause</p> <p>Excluding loss or damage due to mechanical, electrical or electronic breakdown or derangement unless caused by a peril insured against under the terms of this policy and there is evidence of an external damage.</p>
22.	<p>Điều khoản về thiệt hại ẩn dấu</p> <p>Các bên thỏa thuận rằng, trong trường hợp các thùng hàng vẫn chưa được mở hoặc các pa-lét để hàng không bị hỏng sau khi hàng được chuyển vào kho của người nhận, thì toàn bộ các tổn thất hoặc sự giảm giá trị phát sinh từ các rủi ro được bảo hiểm sẽ cấu thành một khiếu nại theo đơn bảo</p>	<p>Concealed Damage Clause</p> <p>Subject to the terms and conditions of this insurance, in the event of delay in opening containers, cases or other packages at the Assured's premises loss of or damage to the subject-matter insured discovered on opening shall be deemed to have occurred during the</p>

	<p>hiểm này, với điều kiện là các thùng hàng hoặc palet để hàng không bị hư hại/ không có dấu hiệu hư hại bên ngoài khi đến nơi. Bằng chứng về tổn thất phải được cung cấp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày giao hàng.</p>	<p>currency of this Policy and shall be recoverable hereunder unless conclusive proof to the contrary be established by Underwriters. Any container and/or case and/or package showing signs of damage shall be opened immediately on arrival at final destination. The period under this extension is limited to 60 days after arrival at final destination.</p>
<p>23. Điều khoản về lỗi và sơ suất</p>	<p>Các bên thỏa thuận rằng, trong trường hợp Người được bảo hiểm mắc lỗi hoặc sơ suất trong việc khai báo thông tin, hàng hóa vẫn được bảo hiểm theo đơn bảo hiểm, với điều kiện là Người được bảo hiểm phải ngay lập tức thông báo cho công ty bảo hiểm ngay khi Người được bảo hiểm nhận biết về lỗi hoặc sơ suất đó.</p>	<p>Errors and Omissions Clause</p> <p>The insured shall not be prejudiced by an unintentional and/or inadvertent omission error incorrect valuation or incorrect description of the interest risk or property provided notice is given to the company as soon as practicable upon discovery of such error or omission.</p>
<p>24. Điều khoản thay thế 01/12/2008 – CL372</p>	<p>Trong trường hợp xảy ra tổn thất hoặc thiệt hại đối với bất kỳ bộ phận nào của máy móc được bảo hiểm hoặc đối với bất kỳ hạng mục nào bao gồm nhiều hơn một bộ phận gây ra bởi một rủi ro được bảo hiểm theo Đơn này, số tiền bồi thường sẽ không vượt quá chi phí thay thế hoặc sửa chữa bộ phận tổn thất đó, cộng với chi phí nhân công để trang bị lại và cước phí vận chuyển. Thuế phát sinh trong việc cung cấp bộ phận thay thế hay sửa chữa cũng sẽ được bồi thường miễn là số tiền bảo hiểm đã bao gồm toàn bộ thuế phải chi trả cho máy móc được bảo hiểm.</p> <p>Trong mọi trường hợp tổng trách nhiệm của Người bảo hiểm sẽ không vượt quá số tiền bảo hiểm của máy móc.</p>	<p>Institute Replacement Clause 01/12/2008 – CL372</p> <p>In the event of loss or damage to any part(s) of an insured machine or other manufactured item consisting of more than one part caused by a peril covered by this insurance, the sum recoverable shall not exceed the cost of replacement or repair of such part(s) plus labour for (re)fitting and carriage costs. Duty incurred in the provision of replacement or repaired part(s) shall also be recoverable provided that the full duty payable on the insured machine or manufactured item is included in the amount insured.</p> <p>The total liability of Insurers shall in no event exceed the amount insured of the machine or manufactured item.</p>
<p>25. Điều khoản nhãn mác hàng hóa (áp dụng cho hàng hóa có dán nhãn)</p>	<p>Trong trường hợp thiệt hại từ rủi ro được bảo hiểm chỉ gây ảnh hưởng đến nhãn hàng, bao bọc hàng hoặc giấy gói hàng, tổn thất sẽ giới hạn ở khoản chi phí đủ để chỉnh đốn lại, để chi trả cho nhãn hàng, bao bọc hàng và giấy gói hàng mới và chi phí để dán lại nhãn cho các hàng hóa đó, với điều kiện thiệt hại đó được ghi nhận như là một khiếu nại dưới các điều khoản của Đơn.</p>	<p>Labels clause (applying to labelled goods)</p> <p>In case of damage from perils insured against affecting labels, capsules or wrappers only, loss to be limited to an amount sufficient to pay the cost of reconditioning, cost of new labels, capsules or wrappers and the cost of re-labelling the goods, provided that the damage will have amounted to a claim under the terms of the Policy.</p>

	<p>Trong mọi trường hợp trách nhiệm của Người bảo hiểm không vượt quá giá trị bảo hiểm của đối tượng được bảo hiểm.</p>	<p>In no case shall the liability of Underwriters exceed the insured value of the subject -matter insured.</p>
26.	<p>Điều khoản sửa chữa thay thế - hàng hóa đã qua sử dụng</p> <p>Trong trường hợp xảy ra tổn thất hoặc thiệt hại đối với bất kỳ bộ phận nào của máy móc được bảo hiểm gây ra bởi một rủi ro được bảo hiểm theo Đơn này, số tiền bồi thường sẽ không vượt quá phần tỷ lệ của tổn thất đó, tính bằng chi phí thay thế hoặc sửa chữa bộ phận tổn thất nhân với số tiền bảo hiểm chia cho giá trị máy móc mới, cộng thêm chi phí vận chuyển và trang bị lại, nếu có phát sinh, nhưng không bao gồm thuế trừ phi toàn bộ thuế đã được tính trong số tiền bảo hiểm, khi đó phần thuế cộng thêm khi xảy ra tổn thất, nếu có, sẽ được chi trả. Luôn luôn với điều kiện là trong mọi trường hợp, trách nhiệm của Người bảo hiểm sẽ không vượt quá số tiền bảo hiểm của toàn bộ máy.</p>	<p>Repair/replacement clause - secondhand goods</p> <p>In the event of loss or damage to any part or parts of an insured machine caused by a peril covered by the Policy the sum recoverable shall not exceed such proportion of the cost of replacement or repair of such part or parts as the insured value bears to the value of a new machine plus charges for forwarding and refitting, if incurred, but excluding duty unless the full duty is included in the amount insured, in which case loss, if any, sustained by payment of additional duty shall also be recoverable. Provided always that in no case shall the liability of Underwriters exceed the insured value of the complete machine.</p>
27.	<p>Điều khoản hủy bỏ đình công</p> <p>Điều khoản bao gồm trong hợp đồng bảo hiểm này đối với rủi ro đình công (như được định nghĩa trong các điều khoản của hiệp hội về bảo hiểm đình công hàng hóa) có thể bị hủy bỏ bởi Người bảo hiểm hoặc Người được bảo hiểm bằng việc gửi thông báo hủy bỏ trước 7 ngày (48 giờ trong trường hợp gửi hàng tới hoặc từ Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ).</p> <p>Hủy bỏ này sẽ có hiệu lực vào ngày hết hạn 7 ngày (48 giờ trong trường hợp gửi hàng tới hoặc từ Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ) kể từ nửa đêm của ngày mà thông báo hủy bỏ được phát hành bởi hoặc được gửi đến cho Người bảo hiểm, nhưng không được áp dụng cho bất cứ Bảo hiểm nào đối với các rủi ro đã được nêu xảy ra trước khi thông báo hủy bỏ này có hiệu lực.</p>	<p>Strike Cancellation Clause</p> <p>The inclusion in this contract of Insurance against strikes (as defined in the relevant Institute Strikes Clause) may be cancelled by either the Underwriters or the assured giving 7 days (48 hours in respect of sending to or from U.S.A) notice.</p> <p>Such cancellation shall become effective on the expiry of 7 days (48 hours in respect of sending to or from U.S.A) from midnight of the day on which notice of the cancellation is issued by or to Underwriters, but shall not apply to any Insurance against the said risks which shall have attached before the cancellation becomes effective.</p>
28.	<p>Điều khoản từ bỏ thế quyền (chống lại các Công ty thành viên/ các Công ty con/ Công ty liên kết)</p> <p>Bao gồm cả việc từ bỏ thế quyền chống lại Người được bảo hiểm và/hoặc các công ty con và/hoặc các công ty liên kết và/hoặc các công ty thành viên và/hoặc bất cứ bên nào mà việc từ bỏ thế quyền này được chấp thuận bởi các bên đã được đề cập ở trên trong quá trình hoạt động kinh doanh của họ.</p>	<p>Subrogation waiver (Against Subsidiary/ Associated/ Affiliated Companied)</p> <p>Including Waivers of Subrogation against the Assured and/or Subsidiary and/or Associated and/or Affiliated Companies and/or any party to whom such a waiver is given by any of the aforementioned in the course of their business.</p>

<p>29.</p>	<p>Điều khoản từ bỏ thế quyền (chống lại người coi kho và người vận chuyển)</p> <p>Các bên đề cập và đồng ý rằng Người được bảo hiểm, trong hoạt động thương mại và liên quan đến các điều kiện của hợp đồng có thể từ bỏ thế quyền chống lại người coi kho và/hoặc người vận chuyển được liệt kê dưới đây và trong trường hợp có khiếu nại theo đơn bảo hiểm này, Người bảo hiểm đồng ý từ bỏ quyền, sự đền bù hoặc trợ cấp mà họ có thể được hưởng thay thế khi lô hàng của Người được bảo hiểm thuộc quyền coi sóc và kiểm soát của họ.</p>	<p>Subrogation waiver (against warehouse keepers/transporters)</p> <p>It is noted and agreed that the Insured, in their course of trade and in accordance with terms of contract may give Waivers of Subrogation to the warehouse keepers and/or transporters listed below and in the event of a claim under this policy, Underwriters agree to waive any rights, remedies or relief to which they might become subrogated whilst the Insured's consignment was in their care custody and control.</p>
<p>30.</p>	<p>Điều khoản kết thúc của hợp đồng vận chuyển</p> <p>Với tham chiếu đến điều khoản trong "khoản 9" của Điều khoản bảo hiểm hàng hóa của Hiệp hội và mặc cho có bất kỳ quy định trái ngược nào được đề cập trong Đơn bảo hiểm, các bên đồng ý rằng quyền lợi bảo hiểm vẫn tự động được duy trì theo các điều kiện bảo hiểm. Bảo hiểm vẫn còn hiệu lực theo quy định tại khoản 9-9.1 hoặc 9-9.2 trong trường hợp Hợp đồng vận chuyển bị chấm dứt tại một cảng hoặc một nơi khác ngoài đích đến có tên trong hợp đồng.</p> <p>Trường hợp hàng hóa được mua theo điều kiện cơ sở giao hàng CIF (Chi phí, bảo hiểm và cước phí vận tải) và bảo hiểm được mua bởi người bán có phạm vi hẹp hơn bảo hiểm dưới đơn này, thì hàng hóa đó sẽ vẫn được bảo hiểm ở đây theo các điều khoản bảo hiểm thông thường.</p> <p>Trong mọi trường hợp như vậy, Người bảo hiểm sẽ thay thế Người được bảo hiểm trong việc hưởng các quyền và các biện pháp khắc phục theo bảo hiểm mua bởi người bán và trong mọi trường hợp bảo hiểm này không tham gia đóng góp như là bảo hiểm trùng.</p>	<p>Termination of contract of carriage clause</p> <p>With reference to provision in "Clause 9" of the Institute Cargo Clauses and notwithstanding anything therein to the contrary, it is agreed that interest automatically remains covered upon cover conditions Insurance remains in force as provided in Clause 9-9.1 or 9-9.2 in the event that the Contract of carriage is terminated at a port or place other than the destination named therein.</p> <p>Where goods are purchased Cost, Insurance and Freight and the Insurance provided by the supplier is more restricted than that afforded hereunder, such goods shall be covered hereunder on the normal cover conditions.</p> <p>In all such cases the Underwriters will be subrogated to all rights and remedies of the Assured under the Insurance provided by the supplier and in no case shall this Insurance contribute as if it was double insurance.</p>
<p>31.</p>	<p>Điều khoản rủi ro chuyển tải</p> <p>Các bên đồng ý và hiểu rằng bảo hiểm theo đơn bảo hiểm này sẽ giữ nguyên hiệu lực trong quá trình chuyển tải xuất phát từ một quyền tự do mà hợp đồng chuyển chở đã dành cho người chuyên chở và người thuê tàu.</p> <p>Điều khoản này phụ thuộc vào các điều kiện, điều khoản và các khoản mục, các ngoại trừ của đơn bảo hiểm.</p>	<p>Transshipment risks clause</p> <p>It is agreed and understood that the insurance under this policy shall remain in force during any transshipment arising from the exercise of a liberty granted to shipowners or charterers under the contract of affreightment.</p> <p>Subject otherwise to terms, conditions and provisions, exclusions of the policy.</p>

<p>32.</p>	<p>Điều khoản thiệt hại do nước mưa và/hoặc nước ngọt</p> <p>Bảo hiểm này bồi thường cho tổn thất hoặc thiệt hại của hàng hóa được bảo hiểm trực tiếp gây ra bởi nước mưa và/hoặc nước ngọt, nhưng không khiếu nại nào được chấp nhận trừ phi có dấu hiệu bên ngoài kiện hàng chỉ ra rằng hàng hóa bên trong bị tổn thất và Người được bảo hiểm phải thông báo tổn thất ngay lập tức lúc hết hạn hiệu lực Đơn.</p> <p>Thực hiện giao hàng trong thời gian hợp lý và yêu cầu giám định trong vòng 10 ngày sau khi giao hàng.</p>	<p>Fresh water and/or rain damage clause</p> <p>To cover loss or damage directly caused by rain and/or fresh water, but not claim to attach hereto unless packages show external signs of such damage to contents, and notice of loss is given immediately upon the expiry of this policy.</p> <p>Warranted that no claim shall be paid under this policy unless supported by a survey report issued by a surveyor appointed or approved by the Insurer's agent at destination.</p>
<p>33.</p>	<p>Điều khoản rủi ro thiếu hàng</p> <p>Bảo hiểm này bồi thường rủi ro thiếu hàng diễn ra trong hành trình vận chuyển do nứt bao bì bên ngoài, hoặc tổn thất về số lượng và thiếu hụt trọng lượng thực tế đối với hàng hóa chở rời, nhưng loại trừ trộm cướp.</p>	<p>Shortage clause</p> <p>This insurance covers risk of shortage occurring during the course of transit due to breakage of outer packing, or loss of quantity and actual shortage in weight in the case of bulk cargo, but excluding pillage.</p>
<p>34.</p>	<p>Điều khoản rủi ro rò rỉ</p> <p>Bảo hiểm này bồi thường rủi ro rò rỉ xảy ra trong quá trình vận chuyển gây ra bởi thiệt hại của container, hoặc hư hỏng hàng hóa được bảo hiểm là kết quả từ việc rò rỉ chất lỏng tại nơi mà hàng hóa được bảo hiểm được lưu trữ.</p>	<p>Leakage clause</p> <p>This insurance covers risk of leakage occurring during the course of transit caused by damage to the container, or deterioration of the insured goods resulting from leakage of liquid in which the insured goods are stored.</p>
<p>35.</p>	<p>Điều khoản thiệt hại do móc cầu</p> <p>Bảo hiểm này bồi thường cho thiệt hại của hàng hóa được bảo hiểm gây ra do móc cầu xảy ra trong quá trình xếp hàng hoặc dỡ hàng bao gồm cả chi phí tu bổ lại hoặc thay bao bì, nếu có.</p>	<p>Hook damage clause</p> <p>This insurance covers hook damage to the insured goods occurring during loading or unloading including expenses of reconditioning or change of packing, if any.</p>
<p>36.</p>	<p>Điều khoản thuế nhập khẩu</p> <p>Bảo hiểm này bồi thường cho quyền lợi tương ứng của Người được bảo hiểm về Thuế Hải quan Nhập khẩu phát sinh từ việc hàng hóa được bảo hiểm, tại cảng đến, bị thiệt hại bởi một rủi ro được bảo hiểm nhưng thuế nhập khẩu đầy đủ đã được thu và trả ở đây như thể hàng hóa đã đến an toàn, khiếu nại có thể được chi trả theo điều khoản này sẽ không vượt quá% của giá trị bảo hiểm trên phần thiệt hại của hàng hóa được bảo hiểm.</p>	<p>Import duty clause</p> <p>This insurance covers the Insured's contingent interest on Import Customs Duty arising from the insured goods arriving at the port of destination damaged by a peril insured against but full import duty had been levied and paid thereon as if the goods had arrived sound provided claims payable hereunder shall not exceed percent of the insured value on the damage portion of the insured goods.</p>
<p>37.</p>	<p>Điều khoản hàng hóa trên boong</p> <p>Mặc cho có bất kỳ quy định trái ngược nào trong Đơn, các bên đặc biệt hiểu và đồng ý rằng trong trường hợp hàng hóa được bảo hiểm hoặc bất kỳ bộ</p>	<p>On deck clause</p> <p>Notwithstanding anything contained herein to the contrary, it is specially understood and agreed that in the event of the goods hereby</p>

	<p>phận nào của nó được chở trên boong tàu, cho dù có hay không bởi việc thực thi một quyền tự do dành cho chủ tàu hoặc người thuê tàu theo hợp đồng chuyên chở, bảo hiểm áp dụng cho hàng hóa trên boong đó sẽ tuân theo Điều khoản bảo hiểm hàng hóa (C) (Khoản 4.7 của ICC (C) sẽ được xem như bị xóa bỏ trong trường hợp điều kiện gốc không loại trừ tổn thất cố ý, ...) bao gồm cả rủi ro nước cuốn khỏi tàu, miễn là hàng hóa được bảo hiểm đó đang lưu trữ trên boong tàu.</p>	<p>insured or any part thereof being carried on deck, whether by the exercise of a liberty granted to shipowners or charterers under the contract of affreightment or not, the conditions on such deckload shall be subject to Institute Cargo Clauses (C) (Clause 4.7 of which being deemed to be deleted in case of the original condition not excluding deliberate damage etc, in the said clause) including the risk of Washing Overboard, so long as the goods hereby insured are stored on deck.</p>
<p>38.</p>	<p>Điều khoản về chi phí lưu container quá hạn</p> <p>Đơn bảo hiểm này mở rộng để bồi thường chi phí quá hạn và/hoặc tiền phạt trễ hạn chống lại và được chi trả bởi Người được bảo hiểm cho việc chậm hoàn trả container khi container đó bị giữ lại bởi Người được bảo hiểm theo hướng dẫn của Người bảo hiểm hoặc giám định viên của họ nhằm phục vụ điều tra tổn thất hoặc thiệt hại dưới Đơn này. Tuy nhiên, Người bảo hiểm sẽ không chịu trách nhiệm cho chi phí quá hạn container mà Người được bảo hiểm có thể bị phạt vì chậm trễ do đình công, bế xưởng, đình chi hoặc hạn chế lao động. Khoảng thời gian mà Người bảo hiểm phải chịu trách nhiệm cho chi phí và/hoặc tiền phạt nói trên sẽ bắt đầu vào lúc Người bảo hiểm hoặc giám định viên của họ hướng dẫn Người được bảo hiểm bằng văn bản về việc giữ lại container để điều tra và kết thúc vào thời điểm giám định viên hướng dẫn Người được bảo hiểm hoàn trả container.</p> <p>Phạm vi bảo hiểm theo điều khoản này duy nhất vì quyền lợi của Người được bảo hiểm có tên trong Đơn và không thể chuyển nhượng.</p>	<p>Container demurrage charges clause</p> <p>This Policy is extended to cover demurrage and/or late penalties assessed against, and paid by the Assured for late return of containers when said containers are retained by the Assured upon instruction from Underwriters or their appointed surveyors for investigation of loss or damage which may be recoverable hereunder. However, Underwriters shall not be liable for any demurrage charges which may be assessed against the Assured for delay caused by strike, lockout, stoppage or restraint of labour. The time period for which Underwriters shall be liable for said charges shall begin at the time that Underwriters or their appointed surveyors instruct the Assured in writing to retain the containers for inspection and end at the time the appointed surveyor instructs the Assured to return the containers.</p> <p>Cover under this clause is for the sole benefit of the Assured named in this Policy and is not assignable.</p>
<p>39.</p>	<p>Điều khoản về kiểm soát hàng hóa bị thiệt hại</p> <p>Cho dù có bất kỳ quy định trái ngược nào trong Đơn, các bên hiểu và đồng ý rằng trong trường hợp có thiệt hại của hàng hóa được bảo hiểm theo Đơn này, Người được bảo hiểm được bảo lưu quyền kiểm soát toàn bộ hàng hóa bị thiệt hại. Tuy nhiên, Người được bảo hiểm đồng ý tu sửa lại và bán hàng hóa đó sau khi đã loại bỏ toàn bộ nhãn hiệu và thương hiệu bất cứ khi nào có thể làm được điều này.</p> <p>Trường hợp việc xử lý hoặc bán hàng hóa bị hư hỏng đó, theo ý kiến của Người được bảo hiểm, gây phương hại đến quyền lợi của họ (hoặc khi mà họ</p>	<p>Control of Damaged Goods</p> <p>Notwithstanding anything to the contrary contained elsewhere herein, it is understood and agreed that in case of damage to goods insured under this Policy, the Insured is to retain control of all damaged goods. The Insured, however, agrees wherever practicable to recondition and sell such goods after removal of all brands and trademarks.</p> <p>Where the disposal or sale of such damaged goods is, in the opinion of the Insured, detrimental to their interest (or which they are unable to sell or dispose of under their</p>

	<p>không thể bán hoặc xử lý hàng hóa đó theo thỏa thuận của họ với bất kỳ một tổ chức thương mại nào), thiệt hại đó sẽ được xem như là tổn thất toàn bộ ước tính và Người được bảo hiểm phải xử lý hàng hóa bị hư hỏng sao cho có lợi nhất, Người bảo hiểm được cho quyền thực hiện công việc này hoặc không tùy thuộc vào thỏa thuận giữa hai bên.</p>	<p>agreement with any trade association), such damage shall be treated as a constructive total loss and the Insured shall dispose of the damaged goods to the best advantage, Underwriters being entitled to such proceeds or they shall be destroyed subject to Underwriters agreement.</p>
40.	<p>Điều khoản chi phí làm hàng</p> <p>Các chi phí dỡ hàng, lưu kho và tất cả các chi phí khác chi ra liên quan đến việc xác định mức độ tổn thất và/hoặc thiệt hại và chi phí xử lý hàng hóa bị thiệt hại sẽ được bồi thường theo điều khoản này, bất kể thiệt hại được tìm thấy sau cùng gây ra bởi một rủi ro được bảo hiểm hay không. Số tiền bồi thường được trả dưới điều khoản này nằm ngoài bất kỳ số tiền bồi thường khác trả theo bảo hiểm này.</p>	<p>Handling Costs clause</p> <p>Costs of discharge, storing, sorting and all other charges incurred in connection with the ascertainment of the extent of loss of and/or damage to and disposal of damaged goods shall be recoverable hereunder irrespective of whether or not the damage is ultimately found to have been caused by the operation of an insured peril. The compensation paid under this clause is in excess of any other compensation paid from this insurance.</p>
41.	<p>Điều khoản miễn giám định</p> <p>Người bảo hiểm không yêu cầu biên bản giám định cho bất kỳ khiếu nại không hoặc theo thông báo ban không vượt quá (hoặc tương đương) ngoài mức khấu trừ của phạm vi bảo hiểm liên quan, nếu có. Tuyên bố về tổn thất của Người được bảo hiểm hoặc người nhận hàng, nếu được áp dụng và hiện hữu, thông báo của Hải quan và/hoặc báo cáo dỡ hàng sẽ được chấp nhận như là bằng chứng đầy đủ về tổn thất.</p>	<p>No Survey Clause</p> <p>No survey report is required for any claim that does not or appears unlikely on first notification to exceed (or equivalent in any other currency) in excess of the relevant cover deductible, if any. The Insured's or consignee's statement of the loss and, where applicable and available, the Customs and/or Landing Account to be accepted as sufficient proof of loss.</p>
42.	<p>Điều khoản bảo hiểm vật nuôi & gia cầm (vận chuyển đường biển, đường bộ hoặc đường hàng không)</p> <p>Người bảo hiểm chấp nhận bồi thường cho vật nuôi và gia cầm vận chuyển đường biển, đường bộ hoặc đường hàng không theo các Điều khoản sau đây.</p> <p>Phạm vi bảo hiểm:</p> <p>Người bảo hiểm chịu trách nhiệm đối với trường hợp chết hoặc tử vong của vật nuôi và/hoặc gia cầm do mọi rủi ro trong hành trình vận chuyển.</p> <p>Các loại trừ:</p> <p>Mặc dù có quy định bên trên, Người bảo hiểm không chịu trách nhiệm đối với các trường hợp chết hoặc tử vong sau:</p> <p>(1) Gây ra bởi hành động hoặc lỗi cố ý của Người được bảo hiểm;</p>	<p>Livestock & poultry insurance clauses (by sea, land or air)</p> <p>The Insurer writes insurance on livestock and poultry shipped by sea, land or air on the following Provisions.</p> <p>Scope of Cover:</p> <p>The Insurer shall be liable for all risks of death or mortality of the insured livestock and/or poultry during the course of transportation.</p> <p>Exclusions:</p> <p>Notwithstanding the foregoing, the Insurer shall not be liable for death or mortality:</p> <p>(1) Caused by intentional act or fault of the Insured;</p> <p>(2) Falling under the liability of the Consignor;</p>

<p>(2) Rơi vào trách nhiệm của Người gửi hàng;</p> <p>(3) Gây ra bởi chiến tranh, đình công hoặc chậm trễ dọc đường;</p> <p>(4) Vật nuôi và/hoặc gia cầm không ở trong tình trạng sức khỏe tốt khi bắt đầu hiệu lực bảo hiểm;</p> <p>(5) Là hậu quả từ việc vật nuôi và/hoặc gia cầm đang trong tình trạng sắp sinh nở hoặc tiêm chủng hoặc tiêm phòng hoặc bị giết thịt bởi lệnh của nhà chức trách do bị nhiễm bệnh hoặc do thiếu cỏ khô, hoặc từ lệnh cấm nhập khẩu hoặc xuất khẩu hoặc trượt kiểm tra.</p> <p>Bắt đầu và Kết thúc hiệu lực bảo hiểm:</p> <p>Bảo hiểm này sẽ bắt đầu khi vật nuôi và/hoặc gia cầm được bảo hiểm được xếp lên phương tiện vận chuyển và kết thúc khi chúng được dỡ xuống khỏi phương tiện vận chuyển tại nơi đến. Trong trường hợp vật nuôi và/hoặc gia cầm được bảo hiểm không được dỡ khỏi phương tiện vận chuyển, hiệu lực của bảo hiểm này sẽ giới hạn đến 15 ngày tính từ nửa đêm của ngày tàu chuyên chở đến điểm đến.</p> <p>Đoan kết rằng vật nuôi và/hoặc gia cầm được bảo hiểm cần phải được xếp, chuyên chở và chăm sóc đúng cách và cẩn thận bởi một người trông nom được chỉ định trong suốt toàn bộ hành trình vận chuyển.</p> <p>Giám định tổn thất và Đề trình khiếu nại:</p> <p>(1) Người được bảo hiểm phải giao vật nuôi và/hoặc gia cầm được bảo hiểm vào thời gian hợp lý sau khi đến đích đến hoặc cảng đến có tên trên Đơn và phải cam kết:</p> <p>Chỉ định ngay lập tức đơn vị giám định và xử lý khiếu nại quy định trên Đơn để thực hiện giám định nếu vật nuôi và/hoặc gia cầm được bảo hiểm bị phát hiện đã chết. Trong trường hợp Người bảo hiểm không có đại diện giám định hoặc đại diện xử lý khiếu nại địa phương, một đơn vị giám định chuyên nghiệp tại chỗ có thể được chỉ định để thực hiện giám định;</p> <p>Đề trình khiếu nại bằng văn bản đến Người chuyên chở hoặc bên có liên quan trong trường hợp họ phải chịu trách nhiệm về việc chết hoặc tử vong của vật nuôi và/hoặc gia cầm được bảo hiểm.</p>	<p>(3) Caused by war, strikes or delay in transit;</p> <p>(4) If the Insured livestock and/or poultry are not in good state of health at the commencement of this insurance;</p> <p>(5) Resulting from being in a parturient condition or from vaccination or inoculation or slaughter by authorities through infections for diseases or from lack of fodder, or from prohibition of import or export or failure to pass test.</p> <p>Commencement and Termination of Cover:</p> <p>This insurance shall commence on the loading of the insured livestock and/or poultry onto the carrying conveyance and terminate on the discharge therefrom at the destination. In case the insured livestock and/or poultry are not discharged from the carrying conveyance the longest duration of this insurance shall be limited to 15 days counting from midnight of the day of the arrival of the carrying conveyance at the destination.</p> <p>Warranted that the insured livestock and/or poultry must be properly and carefully loaded, carried and looked after by a designated caretaker during the whole course of transit.</p> <p>Survey of Damage and Presentation of Claim:</p> <p>(1) The Insured shall take delivery of Insured livestock and/or poultry in good time upon arrival thereof at destination or port of destination named in the Policy and shall undertake to:</p> <p>Apply immediately for survey to the surveying and claims settling agent stipulated in the Policy should the insured livestock and/or poultry be found dead. In case the Insurer has no surveying agent or claims settling agent locally, a local competent surveyor may be applied to for survey;</p> <p>Lodge a claim with the Carrier or the party concerned in writing in case they should be held responsible for the death or mortality of the insured livestock and/or poultry.</p>
---	--

	<p>(2) Người được bảo hiểm phải xuất trình những chứng từ sau khi đệ trình khiếu nại đến Người bảo hiểm:</p> <p>Đơn hoặc Giấy chứng nhận bảo hiểm bản gốc, Vận đơn bản gốc hoặc bản sao và Hóa đơn;</p> <p>Giấy chứng từ cấp bởi cơ quan có thẩm quyền liên quan, thể hiện chi tiết và nguyên nhân chết rõ ràng.</p> <p>Khi có liên quan đến trách nhiệm bên thứ ba, thư từ qua lại liên quan đến việc truy đòi bồi thường từ bên có trách nhiệm và giấy chứng nhận hay các chứng từ cần thiết khác cần phải được xuất trình thêm.</p> <p>(3) Thời hạn hiệu lực của khiếu nại theo Đơn này không được vượt quá 01 năm tính từ thời điểm hoàn thành việc dỡ vật nuôi và/hoặc gia cầm được bảo hiểm ra khỏi phương tiện vận chuyển tại cảng dỡ hàng cuối cùng.</p> <p>(4) Người bảo hiểm sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Người được bảo hiểm những chi phí hợp lý mà họ đã chi nhằm thực hiện các biện pháp hữu hiệu ngay lập tức để cứu vật nuôi và/hoặc gia cầm được bảo hiểm khi đang trong tình trạng nguy hiểm nhưng khoản bồi thường đó sẽ không vượt quá số tiền bảo hiểm nêu trong Đơn.</p> <p>Giải quyết tranh chấp:</p> <p>Mọi tranh chấp phát sinh giữa Người được bảo hiểm và Người bảo hiểm sẽ được giải quyết bằng thương lượng hữu hảo trên nguyên tắc tìm kiếm sự thật từ thực tế và nguyên tắc công bằng và hợp lý.</p> <p>Khi thương lượng thất bại và cần thiết phải đệ trình vụ việc ra trọng tài hoặc thực hiện tố tụng pháp lý, cơ quan trọng tài hoặc tố tụng pháp lý đó sẽ diễn ra tại địa điểm mà bên bị đơn cư ngụ.</p>	<p>(2) The Insured shall submit the following documents when presenting a claim to the Insurer:</p> <p>Original Policy or Certificate of Insurance, Original or Copy of Bill of Lading and Invoice;</p> <p>Certificate of Death issued by the authority concerned, giving particulars and apparent cause of death.</p> <p>When third party liability is involved, the letters cables relative to pursuing of recovery to and from the responsible party and the other essential certificates or documents shall be submitted in addition.</p> <p>(3) The time of validity of a claim under this insurance shall not exceed a period of one year counting from the time of completion of discharge of the insured livestock and/or poultry from the carrying conveyance at the final port of discharge.</p> <p>(4) The Insurer shall undertake to indemnify the Insured for the reasonable expenses incurred by him for having immediately taken effective measures in rescuing the insured livestock and/or poultry found in danger but the amount of such indemnity shall not exceed the amount insured hereunder.</p> <p>Treatment of Disputes:</p> <p>All disputes arising between the Insured and the Insurer shall be settled by friendly negotiation on the principles of seeking truth from facts and of fairness and reasonableness.</p> <p>Where a settlement fails after negotiation and is necessary to submit to arbitration or take legal actions, such arbitration or legal actions shall be carried out at the place where the defendant is domiciled.</p>
<p>43.</p>	<p>Điều khoản hư hỏng máy lạnh 24 giờ</p> <p>Cho dù có bất kỳ quy định trái ngược nào trong đơn, bảo hiểm này không bồi thường tổn thất hoặc thiệt hại của đối tượng được bảo hiểm gây ra bởi sự thay đổi nhiệt độ trừ phi tổn thất hoặc thiệt hại đó được quy kết do sự hư hỏng của máy làm lạnh khi</p>	<p>24 hours breakdown clause</p> <p>Notwithstanding anything to the contrary contained herein, this insurance shall not covers loss of or damage to the subject-matter insured resulting from any variation in temperature unless the loss of or damage to the subject-</p>

	ngừng hoạt động trong một khoảng thời gian không ít hơn 24 giờ liên tục.	matter insured resulting from any variation in temperature attributable to breakdown of refrigerating machinery resulting in its stoppage for a period of not less than 24 consecutive hours.
44.	<p>Điều khoản đôi, bộ hoặc bộ phận</p> <p>Trong trường hợp tổn thất hoặc thiệt hại đối với:</p> <p>a) món hàng mà nó là một phần của một đôi hay một bộ, giới hạn tổn thất hoặc thiệt hại của món hàng đó sẽ là phần tỷ lệ hợp lý và công bằng trong toàn bộ giá trị của đôi hay bộ, có tính đến tầm quan trọng của món hàng đã nói đó, nhưng trong mọi trường hợp tổn thất hoặc thiệt hại đó không được hiểu là tổn thất toàn bộ của cả đôi hay bộ;</p> <p>b) một bộ phận của tài sản được bảo hiểm mà tài sản đó, để có thể sử dụng đầy đủ, bao gồm nhiều bộ phận, Người bảo hiểm sẽ chỉ chịu trách nhiệm đối với giá trị bộ phận tổn thất hoặc thiệt hại.</p>	<p>Pair, set or parts clause</p> <p>In the event of loss or damage to:</p> <p>a) any article or articles which are a part of a pair or set, the measure of loss or damage to such article or articles shall be a reasonable and fair proportion of the total value of the pair or set, giving consideration to the importance of said article or articles, but in no event shall such loss or damage be construed to mean total loss of the pair or set;</p> <p>b) any part of property covered consisting, when complete for use, of several parts, the Insurer shall only be liable for the value of the part lost or damaged.</p>



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hồng Phong